

BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY TNHH MTV KHOÁNG SẢN BÀ RỊA - VŨNG TÀU VÀ CÔNG TY TNHH MTV KHOÁNG SẢN BÀ RỊA - VŨNG TÀU KHUYẾN NGHỊ CÁC NHÀ ĐẦU TƯ NÊN ĐỌC CÁC THÔNG TIN TRONG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ QUY CHẾ ĐẤU GIÁ TRƯỚC KHI THAM GIA ĐẤU GIÁ.

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

ĐẤU GIÁ BÁN CỔ PHẦN CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHOÁNG SẢN BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Bản Công bố Thông tin này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại các địa điểm sau:

DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA



CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN KHOÁNG SẢN BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Trụ sở chính: Tầng 1, số 102A, đường Lê Hồng Phong, phường 4, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Điện thoại: (064) 3747088 – 3747089 Fax: (064)3825814 – 3747105

ĐƠN VỊ TƯ VẤN CỔ PHẦN HÓA



CHI NHÁNH TẠI TP. HỒ CHÍ MINH CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN – DỊCH VỤ VỀ TÀI SẢN – BẤT ĐỘNG SẢN DATC (TP. HÀ NỘI)

Địa chỉ: Số 35 Trần Quốc Toàn, phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 66791842 Fax: (08) 39330586

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN ĐẤU GIÁ BÁN CỔ PHẦN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT (FPTS)

Địa chỉ: Tầng 2, Số 71 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (04) 3773 7070

Fax: (04) 3773 9058

Website: www.fpts.com.vn



Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà 136 - 138 Lê Thị Hồng Gấm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 6290 8686

Fax: (08) 6291 0560

MỤC LỤC

PHẦN I - CƠ SỞ PHÁP LÝ	4
PHẦN II – CÁC ĐƠN VỊ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT ĐÁU GIÁ BÁN CỔ PHẦN LẦN ĐẦU	6
PHẦN III - THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP	7
I. TỔNG QUAN	7
1. Giới thiệu về Công ty	7
2. Quá trình thành lập và phát triển	7
3. Ngành nghề sản xuất kinh doanh	8
4. Cơ cấu bộ máy tổ chức quản lý và điều hành của BVMC đến thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 31/12/2014	8
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP	10
1. Tình hình hoạt động kinh doanh	10
2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh đến 31/12/2015	22
3. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty	30
4. Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh của BVMC trước khi cổ phần hóa	33
III. THỰC TRẠNG CỦA DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP	33
1. Thực trạng về tài sản cố định	33
2. Thực trạng về tài chính và công nợ	34
3. Tình hình các khu đất BVMC đang sử dụng	35
4. Thực trạng về lao động	41
5. Cơ cấu lao động	41
6. Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa	42
7. Những vấn đề cần tiếp tục xử lý	45
PHẦN IV - PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH SAU CỔ PHẦN HÓA	48
1. Thông tin Công ty cổ phần	48
2. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ	48
3. Ngành nghề kinh doanh công ty cổ phần	49
4. Cơ cấu tổ chức	50
5. Chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh khi chuyển sang công ty cổ phần	51
6. Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư 05 năm sau cổ phần hóa	52
7. Các giải pháp thực hiện	53
PHẦN V – THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN	56
I. PHƯƠNG THỨC CHÀO BÁN CỔ PHẦN	56
1. Đối tượng mua cổ phần	56
2. Phương thức chào bán	56

3. Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán	62
II. LOẠI CỔ PHẦN	62
III. KẾ HOẠCH ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH VÀ NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN	62
IV. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ CỔ PHẦN HÓA	63
V. ĐÁNH GIÁ RỦI RO DỰ KIẾN	64
1. Rủi ro về kinh tế	64
2. Rủi ro về luật pháp	64
3. Rủi ro của đợt chào bán	64
4. Rủi ro khác	64
VI. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN	65
1. Đơn vị tư vấn	65
2. Đơn vị thực hiện bán đấu giá cổ phần	65
3. Công ty TNHH MTV Khoáng sản Bà Rịa – Vũng Tàu	66
VII. LỜI KẾT	66

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BCTC	:	Báo cáo tài chính
CBCNV	:	Cán bộ công nhân viên
CPH	:	Cổ phần hóa
DTT	:	Doanh thu thuần
LNST	:	Lợi nhuận sau thuế
LNTT	:	Lợi nhuận trước thuế
NN	:	Nhà nước
SXKD	:	Sản xuất kinh doanh
TNHH MTV	:	Trách nhiệm hữu hạn một thành viên
BVMC	:	Công ty TNHH MTV Khoáng sản Bà Rịa –Vũng Tàu
UBND	:	Ủy ban nhân dân

PHẦN I - CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Căn cứ Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;
- Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/2015 ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần.
- Căn cứ Nghị định số 91/2010/NĐ-CP ngày 20/08/2010 của Chính phủ về chính sách đối với người lao động dôi dư do sắp xếp lại công ty Nhà nước;
- Quyết định 51/2014/QĐ-TTg ngày 15/09/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định một số nội dung về thoái vốn, bán cổ phần và đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán của doanh nghiệp nhà nước;
- Thông tư 10/2013/TT-BTC ngày 18/01/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại các Công ty mẹ của Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, Công ty mẹ trong tổ hợp công ty mẹ - công ty con;
- Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ- CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ;
- Căn cứ Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hoá của các doanh nghiệp 100% vốn Nhà Nước thực hiện chuyển đổi thành Công ty Cổ phần;
- Căn cứ Thông tư số 202/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ
- Căn cứ Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần.
- Căn cứ Thông tư số 38/2010/TT-BLĐTBXH ngày 24/12/2010 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 91/2010/NĐ-CP ngày 20/08/2010 của Chính phủ về chính sách đối với người lao động dôi dư do sắp xếp lại công ty Nhà nước;
- Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/9/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Căn cứ Công văn số 9806/VPCP-ĐMDN ngày 8/12/2014 của Văn phòng Chính phủ thông báo ý kiến của Phó Thủ tướng Vũ Văn Ninh đồng ý cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Khoáng Sản Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Căn cứ Công văn số 8281/VPCP-ĐMDN ngày 12/10/2015 của Văn phòng Chính Phủ về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Khoáng Sản Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Công văn số 3713/BTC-QLCS ngày 21/3/2016 của BTC v/v phê duyệt phương án xử lý và sắp xếp lại đối với các cơ sở nhà, đất của SCIC trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Công văn số 404/UBND-VP ngày 20/01/2016 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất của Công ty TNHH MTV Khoáng sản Bà Rịa – Vũng Tàu;

- Căn cứ Quyết định số 33/QĐ-ĐTKDV ngày 23/01/2015 của Tổng Công ty Đầu Tư và Kinh Doanh vốn Nhà Nước về việc phê duyệt kế hoạch cổ phần hóa và thành lập Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Khoáng Sản Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Quyết định số 550/QĐ-ĐTKDV ngày 11/9/2015 của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước về việc sửa đổi Khoản 11 Điều 3 Quyết định số 33/QĐ-ĐTKDV ngày 23/01/2015 của Tổng Giám đốc V/v phê duyệt kế hoạch cổ phần hóa và thành lập Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Khoáng Sản Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Căn cứ Quyết định số 44/QĐ.ĐTKDV-BCDCPH ngày 28/01/2015 của Trưởng ban Chỉ đạo cổ phần hóa về việc thành lập Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Khoáng Sản Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Quyết định số 551/QĐ.ĐTKDV-BCDCPH ngày 11/9/2015 của Trưởng Ban chỉ đạo cổ phần hóa về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 44/QĐ.ĐTKDV-BCDCPH ngày 28/01/2015 của Trưởng Ban chỉ đạo cổ phần hóa về việc thành lập Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Khoáng Sản Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Công văn số 925/ĐTKDV-BCDCPH về việc một số nội dung chính của phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Khoáng sản Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Căn cứ Quyết định số 187/QĐ.ĐTKD ngày 04/5/2016 của Tổng giám đốc Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa TNHH MTV Khoáng Sản Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Căn cứ Biên bản đàm phán Hợp đồng và phí tư vấn cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Khoáng Sản Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Quyết định số 182/QĐ-ĐTKDV ngày 20/04/2015 của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước về việc phê duyệt kết quả chỉ định thầu gói thầu tư vấn cổ phần hóa trọn gói Công ty TNHH MTV Khoáng Sản Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Căn cứ Hợp đồng số 35/2015/HĐDV-DCSC ngày 22/04/2015 giữa Công ty TNHH MTV Khoáng Sản Bà Rịa – Vũng Tàu và Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Tư vấn dịch vụ về tài sản bất động sản DATC (Tp. Hà Nội) về việc xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa;
- Căn cứ Hợp đồng Tư vấn số 92-2015/TVTC/FTPS-HCM & DCSC ngày 14/05/2015 giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT và Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Tư vấn dịch vụ về tài sản bất động sản DATC (Tp. Hà Nội);
- Căn cứ Quyết định số 191/QĐ-ĐTKDV ngày 06/05/2016 của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH MTV Khoáng sản Bà Rịa - Vũng Tàu thành công ty cổ phần;
- Căn cứ Quyết định số 192/QĐ-ĐTKDV ngày 06/05/2016 của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước về việc phê duyệt tiêu chí lựa chọn, hồ sơ đăng ký, phương thức bán và quy trình bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược khi thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Khoáng sản Bà Rịa – Vũng Tàu;

PHẦN II – CÁC ĐƠN VỊ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT ĐÁU GIÁ BÁN CỔ PHẦN LẦN ĐẦU

I. ĐƠN VỊ CHÀO BÁN



TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC - CHI NHÁNH KHU VỰC PHÍA NAM

Địa chỉ: Tầng 8, 16 Trương Định, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 3933 3818 Fax: (08) 3933 3822

II. DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA



CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN KHOÁNG SẢN BÀ RIJA - VŨNG TÀU

Tên viết tắt: **BVMC**

Trụ sở chính: Tầng 1, số 102A, đường Lê Hồng Phong, phường 4, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Điện thoại: (064) 3747088 – 3747089 Fax: (064)3825814 – 3747105

III. ĐƠN VỊ TƯ VẤN CỔ PHẦN HÓA



CHI NHÁNH TẠI TP. HỒ CHÍ MINH CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN – DỊCH VỤ VỀ TÀI SẢN – BẤT ĐỘNG SẢN DATC (TP. HÀ NỘI)

Địa chỉ: Số 35 Trần Quốc Toàn, phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 66791842 Fax: (08) 39330586

IV. ĐƠN VỊ THỰC HIỆN ĐẤU GIÁ BÁN CỔ PHẦN



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT (FPTS)

Địa chỉ: Tầng 2, Số 71 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (04) 3773 7070

Fax: (04) 3773 9058

Website: www.fpts.com.vn

Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà 136 - 138 Lê Thị Hồng Gấm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 6290 8686

Fax: (08) 6291 0560

PHẦN III - THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

I. TỔNG QUAN

1. Giới thiệu về Công ty

- Tên đầy đủ: Công ty TNHH MTV Khoáng sản Bà Rịa – Vũng Tàu
- Tên viết tắt: BVMC
- Tên giao dịch quốc tế: Ba Ria – Vung Tau Mineral One member Limited Company
- Trụ sở chính: Tầng 1, số 102A, đường Lê Hồng Phong, phường 4, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
- Điện thoại: 064.3747088 – 3747089 – Fax: 064.3825814 – 3747105
- Website: www.khoangsanbrvt.com

2. Quá trình thành lập và phát triển

- Ngày 24/4/1993: Công ty Khoáng sản Bà Rịa - Vũng Tàu Được thành lập theo Quyết định số 05/QĐUBT ngày 24/4/1993 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc thành lập Công ty Khoáng sản Bà Rịa - Vũng Tàu. Thời gian đầu mới thành lập Công ty gặp nhiều khó khăn và thách thức: vốn kinh doanh thấp (được cấp 1,3 tỷ đồng), đội ngũ CB-CNV ít, chưa có kinh nghiệm trong quản lý cũng như chuyên môn được giao.
- Ngày 04/4/2003: Công ty Khoáng sản Bà Rịa - Vũng Tàu được chuyển giao sang Tổng công ty Xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam (Vinaconex) theo Quyết định số 260/QĐ-TTg ngày 07/3/2003 của Chính phủ về việc phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu và Quyết định số 2119/QĐ.UB ngày 04/4/2003 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
- Ngày 11/4/2003: Công ty Khoáng sản Bà Rịa - Vũng Tàu trở thành doanh nghiệp hạch toán độc lập thuộc Vinaconex theo Quyết định số 411/QĐ.BXD ngày 11/4/2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và đổi tên thành Công ty Khoáng sản Vinaconex.
- Ngày 02/11/2005: Công ty Khoáng sản Vinaconex được đổi tên thành Công ty TNHH MTV Đầu tư và Kinh doanh Khoáng sản Vinaconex theo Quyết định số 2070 ngày 02/11/2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.
- Ngày 19/6/2007: Công ty TNHH MTV Đầu tư và Kinh doanh Khoáng sản Vinaconex được chuyển giao từ Bộ Xây dựng sang SCIC.
- Ngày 10/6/2014: Công ty TNHH MTV Đầu tư và Kinh doanh Khoáng sản Vinaconex đổi tên thành Công ty TNHH MTV Khoáng sản Bà Rịa – Vũng Tàu (tên viết tắt BVMC) theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 08 ngày 10/6/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.
- Trong hơn 20 năm hình thành và phát triển, BVMC là đơn vị chuyên khai thác và chế biến các sản phẩm đá VLXD, đá phụ gia xi măng Puzoland và gạch không nung.

- Hiện nay, BVMC đang quản lý và khai thác trên diện tích gần 200 ha mỏ đá phụ gia xi măng và đá xây dựng. Đó là mỏ Pulozan Núi Thơm - Long Tân, Mỏ đá XD Long Hương - P.Kim Dinh, mỏ đá XD Châu Pha, mỏ Lô IIA và mỏ Puzolan Núi Đất - Long Phước. Đây là nguồn tài nguyên khoáng sản được sử dụng làm nguyên liệu phụ gia sản xuất xi măng và vật liệu xây dựng có giá trị kinh tế cao.

Nhìn lại chặng đường BVMC đã đi qua của một quá trình xây dựng và phát triển, những kết quả đạt được ngày hôm nay của BVMC tuy còn khiêm tốn song rất đáng tự hào. Thành quả đó được đánh đổi bằng sự nỗ lực, đoàn kết và tâm huyết của cả tập thể đội ngũ cán bộ công nhân viên trong toàn BVMC. Đặc biệt BVMC ngày càng khẳng định được vị thế của mình trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và thị trường khu vực phía Nam, vững bước tự tin mở rộng thị trường cho sản phẩm đá vật liệu xây dựng và đá phụ gia xi măng trên khắp cả nước.

3. Ngành nghề sản xuất kinh doanh

BVMC hoạt động trong các lĩnh vực kinh doanh sau: Tìm kiếm, thăm dò, khai thác các loại khoáng sản và vật liệu xây dựng; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Chuẩn bị mặt bằng; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; Vận tải hàng hoá ven biển và viễn dương; Vận tải hàng hoá đường thủy nội địa; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Bốc xếp hàng hoá; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm.

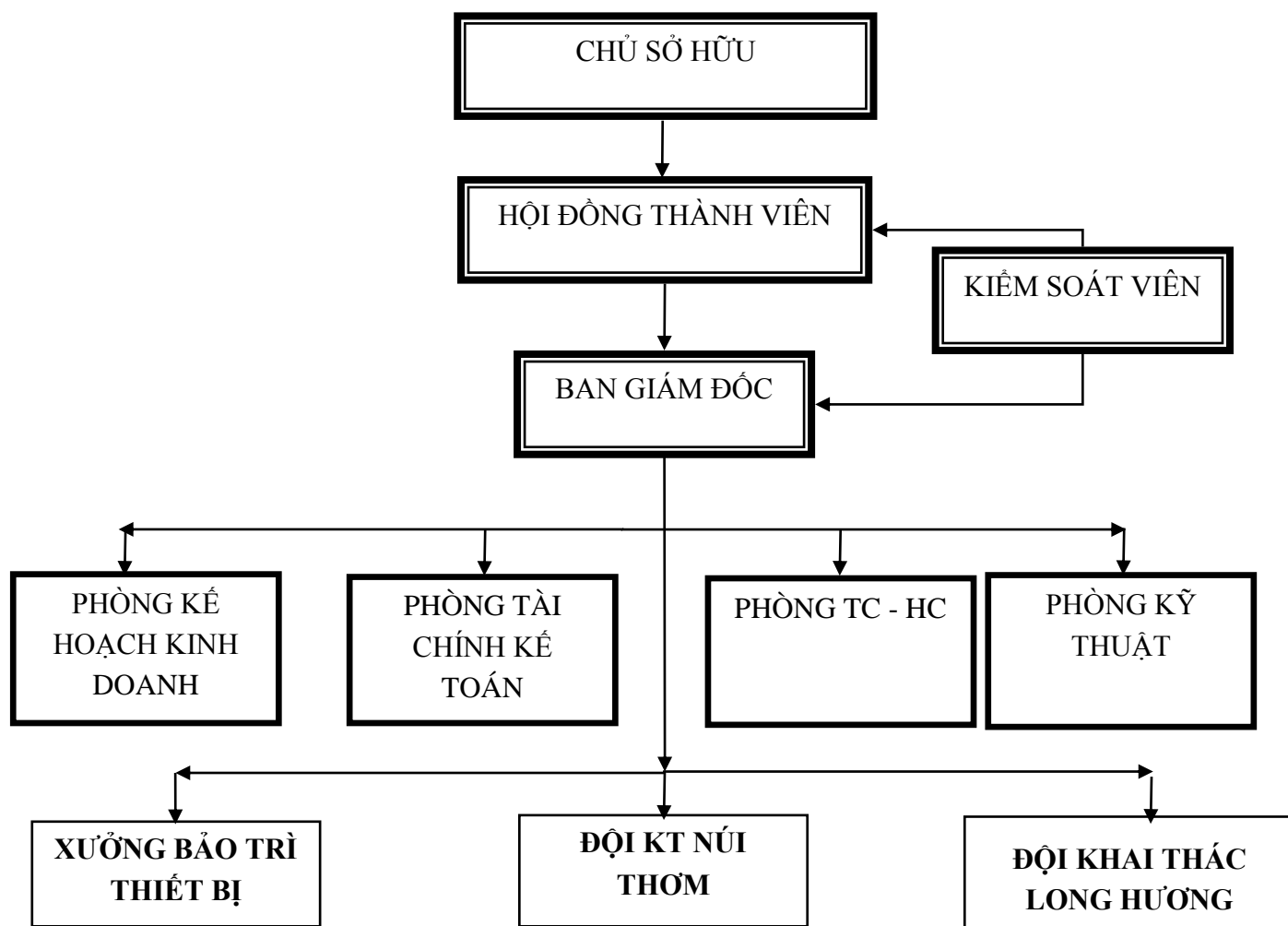
4. Cơ cấu bộ máy tổ chức quản lý và điều hành của BVMC đến thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 31/12/2014

BVMC được tổ chức và hoạt động theo mô hình HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc, Phó giám đốc và bộ máy giúp việc.

- Hội đồng thành viên: có 03 thành viên, một chủ tịch và hai thành viên (các thành viên Hội đồng thành viên đều là thành viên không chuyên trách, là cán bộ của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước).
- Kiểm soát viên: 01 thành viên (không chuyên trách – là cán bộ của Ban tài chính kế toán Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước);
- Ban giám đốc: có 3 thành viên gồm Giám đốc và 02 (hai) Phó Giám đốc;
- Các phòng ban:
 - o Phòng Kế hoạch – Kinh doanh;
 - o Phòng Tài chính - Kế toán;
 - o Phòng Tổ chức – Hành chính;
 - o Phòng Kỹ Thuật.
- Các đội sản xuất:
 - o Đội khai thác đá Long Hương
 - o Đội khai thác đá Núi Thơm

- Xưởng bảo trì thiết bị
- Tổ chức Đảng, đoàn thể:
 - Tổ chức Đảng: Là Đảng bộ cơ sở trực thuộc Đảng bộ Khối doanh nghiệp tỉnh Bà Rịa-Vũng tàu.
 - Tổ chức công đoàn: Là công đoàn cơ sở trực thuộc Liên đoàn lao động tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu
 - Tổ chức đoàn thanh niên: Là tổ chức đoàn cơ sở trực thuộc Tỉnh Đoàn Bà Rịa – Vũng Tàu.
 - Tổ chức hội cựu chiến binh: là tổ chức hội cơ sở trực thuộc Hội CCB tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY ĐẾN THỜI ĐIỂM 31/12/2014



II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

1. Tình hình hoạt động kinh doanh

1.1 Tình hình quản lý và khai thác mỏ

Công ty được cấp phép và quản lý, khai thác, chế biến khoáng sản tại 05 mỏ tại Bà Rịa – Vũng Tàu (03 mỏ đá xây dựng và 02 mỏ đá puzolan phụ gia xi măng), cụ thể như sau:

STT	Tên mỏ	Giấy phép khai thác	Địa chỉ	Diện tích (ha)	Trữ lượng được phép khai thác	Thời hạn khai thác	Trữ lượng còn lại
1	Mỏ đá Long Hương	Số 489/QĐ-QLTN của Bộ CN ngày 14/2/1996	Phường Kim Dinh, TP Bà Rịa, tỉnh BR-VT	23	5.175.834 m ³	30 năm (1996 -2026)	2,15 triệu m ³
2	Mỏ đá XD Châu Pha	Số 490 QĐ/QLTN của Bộ CN ngày 14/02/1996	Xã Châu pha, huyện Tân Thành, tỉnh BR-VT	44	6.854.750 m ³	30 năm (1996- 2026)	4,8 triệu m ³
3	Mỏ đá XD Lô II A	Số 1481 QĐ/QLTN của Bộ CN ngày 3/6/1996	Xã Châu Pha, huyện Tân Thành, tỉnh BR-VT	8,9	2.681.850 m ³	19 năm (1996- 2015) Đã hết hạn	0,95 triệu m ³
4	Mỏ đá Puzolan Núi Thơm	Số 1220/QĐ-ĐCKS của Bộ CN ngày 20/6/1998	Xã Long Tân, huyện Đất Đỏ, tỉnh BR-VT	30,8	6.000.000 tấn	20 năm (1998 – 2018)	4,6 triệu tấn
5	Mỏ đá Puzolan Núi Đất	Số 2171 QĐ/QLTN của Bộ CN ngày 3/8/1996	Xã Long Phước, TX Bà Rịa, tỉnh BR-VT	48,21	11.394.405 tấn	30 năm (1996 -2026)	11 triệu tấn

1.1.1 Mỏ đá XD Long Hương - Phường Kim Dinh – TX. Bà Rịa:

Tình trạng pháp lý

Tổng diện tích khu vực khai thác theo Giấy phép là: 23 ha gồm 02 Khu:

Khu I: có diện tích 13,5 ha được phân làm 03 khai trường:

- Khu I-1: Khoảng 02 ha đã khai thác hết trữ lượng;

- Khu I-2: Khoảng 6,6 ha, chưa giải quyết xong hợp đồng hợp tác với Công ty Cổ phần Khoáng sản Minh Tiến.
- Khu I-3: Công ty đang thực hiện, trong đó có khoảng 1,2 ha phải tạm dừng khai thác do không đảm bảo bán kính an toàn khi nổ mìn.

Khu II có diện tích 9,5 ha: (Theo Bản đồ khu vực cấp mỏ)

Quyết định số: 1004/QĐ-UBND ngày 18/5/2015 của UBND tỉnh BRVT về việc thu hồi 92.594,50 m² đất tại phường Kim Dinh, TP. Bà Rịa.

Quyết định số: 50/QĐ-UBND về việc đóng cửa một phần diện tích mỏ đá XD Long Hương (Khu II) để bàn giao cho UBND thành phố Bà Rịa tiếp nhận và quản lý quỹ đất đã thu hồi.

Thời gian khai thác đến 2026 (còn 11 năm);

- Công suất khai thác: 150.000 m³/năm (nguyên khối)
- Hệ số nổ rời: K= 1,6 (Quyết định số: 08/2015/QĐ-UBND)
- Trữ lượng còn lại của mỏ xác định giá trị doanh nghiệp đến 31/12/2014: 2.148.516 m³
- Trữ lượng còn lại để tính tiền cấp quyền khai thác theo Biên bản họp Hội đồng tính, thẩm định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với mỏ Long Hương ngày 13/9/2015 của Hội đồng thẩm định là: 2.509.122 m³.
- Diện tích khai trường: 217.551,6 m² đã có Hợp đồng thuê đất
- Diện tích Sân công nghiệp:
 - Đất của nhà nước: khoảng 39.000 m², Công ty sử dụng diện tích này làm văn phòng Công ty, đặt máy nghiền 1 và các công trình phụ trợ khác và chưa được ký hợp đồng thuê đất.
 - Đất thuê của cá nhân: 10.000 m². Công ty thuê đất của Bà Phạm Thị Nam theo hợp đồng số 35/HĐTD ký ngày 31/12/2011 với thời hạn hợp đồng từ 01/01/2012 đến 31/12/2013, giá thuê 600 triệu đồng/năm đầu tư lắp đặt dây chuyền nghiền sàng đá dăm và cát nhân tạo (máy nghiền 2). Diện tích đất thuê này chưa có đủ giấy tờ pháp lý và hết hạn và hết hạn ngày 31/12/2013.
 - Công suất bình quân 3 năm 2012-2014 tại mỏ này cũng đạt 81%.
 - Tiền cấp quyền khai thác: (theo Biên bản họp tính, thẩm định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản ngày 13/8/2015 của Hội đồng tính, thẩm định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản)
 - ❖ Tổng số tiền cấp quyền khai thác phải nộp: **14.569.096.000 đồng**
 - ❖ Số lần nộp: **06 lần**. Số tiền phải nộp trong năm 2015 là 2.081.299.000 đồng. Hoàn thành việc nộp trước khi giấy phép hết hạn 5 năm theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 11 Nghị định 203/2013 NĐ-CP của Chính phủ.
 - ❖ Tiền cấp quyền khai thác: tính đến 30/4/2016 đã nộp được **650.000.000 đồng**

Quan hệ hợp tác tại khu vực mỏ Long Hương:

➤ Hợp đồng hợp tác với đối tác là Công ty cổ phần khoáng sản Minh Tiến

Diện tích mỏ tạm giao là: 6,6 ha

Hợp đồng kinh tế số: 17/HĐKT ngày 01/11/1997 có giá trị thực hiện đến 2026 (11 năm).

Thời gian ngưng hợp đồng: từ tháng 4/2004 đến nay do Công ty Cổ phần Khoáng sản Minh Tiến không đồng ý hợp tác theo phương thức: BVMC khai thác và bán đá nguyên liệu cho Công ty Cổ phần Khoáng sản Minh Tiến. Công ty Cổ phần Khoáng sản Minh Tiến đã nhiều lần khởi kiện BVMC ra Tòa án nhân dân tỉnh BR-VT. Đến ngày 24/7/2012, Nguyên đơn là Công ty cổ phần Khoáng sản Minh Tiến đã nộp “Đơn xin rút kiện” và được Tòa án Nhân dân tỉnh BR-VT chấp thuận tại Quyết định số: 14/2012/QĐST-KDTM, về việc “đình chỉ giải quyết vụ án kinh doanh thương mại”.

Tháng 8/2012, BVMC đã thư mời Công ty Cổ phần Khoáng sản Minh Tiến đến họp để thảo luận về việc thành lập Công ty cổ phần chế biến khoáng sản tại mỏ Long Hương. Tháng 9/2012, hai bên đã có buổi làm việc. Tuy nhiên, theo yêu cầu của Công ty Cổ phần Khoáng sản Minh Tiến sau khi thành lập Công ty cổ phần phải chuyển Giấy phép số 489/QĐ-QLTN của Bộ Công Nghiệp ngày 14/2/1996 về công ty cổ phần. Điều này là không phù hợp và BVMC không đồng ý.

Công ty Cổ phần Khoáng sản Minh Tiến đã nhượng giá trị đầu tư cho Công ty TNHH Lê Chính và có văn bản đề nghị BVMC cho Công ty TNHH Lê Chính tiếp tục thực hiện Hợp đồng kinh tế số: 17/HĐKT ngày 01/11/1997. Vấn đề này chưa được hai bên bàn bạc giải quyết nên việc chuyển nhượng này ngoài sự kiểm soát của BVMC.

Về công nợ: Không có

➤ Hợp đồng thuê đất với Bà Phạm Thị Nam:

Công ty ký Hợp đồng thuê đất số 35/HĐTĐ ngày 31/12/2011 với Bà Phạm Thị Nam, mục đích để lắp đặt dây chuyền nghiền sàng đá dăm và cát nhân tạo với thời hạn thuê đất từ 01/01/2012 đến 31/12/2013, giá thuê 600 triệu đồng/năm.

Đến nay, hợp đồng đã hết hạn, nhưng Công ty vẫn tiếp tục sử dụng thửa đất của Bà Nam cho hoạt động của dây chuyền nghiền sàng đá dăm. Tuy nhiên, từ đó đến nay, các bên không ký hợp đồng thuê đất mới hoặc phụ lục hợp đồng.

Thời gian gần đây xảy ra tranh chấp và Bà Nam cho người cản trở hoạt động nghiền sàng đá tại khu vực thuê đất với lý do Công ty chưa thanh toán tiền thuê đất và chưa ký hợp đồng thuê đất sau khi hợp đồng số 35 nêu trên hết hạn.

Về tính pháp lý: Bà Nam chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Hợp đồng thuê đất số 35/HĐTĐ ngày 31/12/2011 chưa được công chứng. Như vậy, việc thuê đất của hai bên không đảm bảo về mặt pháp lý. Tuy nhiên, do hoạt động của Công ty sẽ gặp rất nhiều khó khăn khi dây chuyền nghiền sàng đá dăm phải dừng hoạt động, đây là dây chuyền nghiền đá chính của Công ty hiện nay.

Về công nợ thuê đất bà Nam: Tính đến ngày 31/12/2015, Công ty đã thanh toán tổng cộng **1.150 triệu đồng**, bao gồm: tiền thuê đất cho năm 2013, 07 tháng 2014 và 02 cuối năm 2015 (06 tháng đầu năm 2015 máy nghiền số 2 ngưng do bà nam cho người vào cản trở khi BVMC chưa đưa ra văn bản cam kết trả nợ cũ). Như vậy Công ty còn nợ **350 triệu đồng**.

1.1.2 Mỏ đá XD Châu Pha - xã Châu Pha – huyện Tân Thành

Tình trạng pháp lý

Tổng diện tích khu vực khai thác theo Giấy phép là: 44 ha, gồm 02 khu: Khu I (*Núi Trọc*) có diện tích 24 ha, Khu II (*sườn Đông – Bắc núi Bao Quan*) có diện tích 15 ha; còn lại là mặt bằng phụ trợ.

Thời gian khai thác đến 2026 (**còn 11 năm**);

Công suất khai thác: **200.000 m³/năm** (nguyên khối)

Hệ số nở ròi: **K= 1,6** (Quyết định số: 08/2015/QĐ-UBND)

Trữ lượng còn lại của mỏ xác định giá trị doanh nghiệp đến 31/12/2014: **4.842.540 m³**

Trữ lượng còn lại để tính tiền cấp quyền khai thác theo Biên bản họp Hội đồng tính, thẩm định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với mỏ Long Hương ngày 11/9/2015 của Hội đồng thẩm định là: **4.879.425 m³**.

Diện tích khai trường: **400.241 m²** theo Hợp đồng thuê đất số: 38/HĐTĐ ngày 12/10/2005.

Sân công nghiệp (Mặt bằng phụ trợ): Không có (của các Đơn vị đối tác tự bỏ tiền mua).

Lập thủ tục xin cấp Giấy phép thăm dò bổ sung, nâng cấp trữ lượng (*cấp Tài nguyên lên cấp Trữ lượng*) trong phạm vi ranh giới mỏ đã được cấp phép khai thác cho 02 Khu là: 8,97 ha. Kinh phí dự kiến: **1,5 tỷ**.

Công suất khai thác bình quân 3 năm 2012-2014 của mỏ đạt 44%.

Tiền cấp quyền khai thác: (theo Biên bản họp tính, thẩm định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản ngày 11/9/2015 của Hội đồng tính, thẩm định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản)

- Tổng số tiền cấp quyền khai thác phải nộp: 29.906.151.465 đồng
- Số lần nộp: 7 lần. Số tiền phải nộp lần đầu trong năm 2015 là: 4.272.307.000 đồng. Hoàn thành việc nộp trước khi giấy phép hết hạn 5 năm theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 11 Nghị định 203/2013 NĐ-CP của Chính phủ.

Tiền cấp quyền khai thác: tính đến 05/5/2016 đã nộp được **500.000.000 đồng**.

Quan hệ hợp tác tại khu vực mỏ Châu Pha

Mỏ Châu Pha được chia làm 04 khai trường khai thác để hợp tác với 04 Đơn vị đối tác, cụ thể là:

➤ Công ty TNHH Thương mại Lương Cơ

Diện tích mỏ tạm giao theo hợp đồng hợp tác khoảng: 18 ha gồm 02 khu: núi Trọc khoảng 15 ha và sườn Đông – Bắc núi Bao Quan khoảng 03 ha.

Hợp đồng kinh tế số: 04/HĐKT ngày 12/5/1996 có giá trị thực hiện đến tháng 5/2016.

Phương thức hợp tác kinh doanh:

- Từ tháng 5/1996 đến tháng 8/2007: Thực hiện theo phương thức phân chia kết quả kinh doanh theo Hợp đồng 04/HĐKT.
- Từ tháng 8/2007 đến nay: thực hiện theo phương thức BVMC khoan, nổ mìn bán đá nguyên liệu cho Công ty TNHH Thương mại Lương Cơ tự chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

Từ đầu năm 2014 cho đến tháng 7/2015 Công ty TNHH Thương mại Lương Cơ ngưng hoạt động.

Từ tháng 8/2015: Công ty TNHH Thương mại Lương Cơ hoạt động trở lại.

Ngày 08/4/2016, BVMC đã có văn bản số: 123/BVMC-KHKD về việc đề nghị thanh toán công nợ cũ và thông báo thời hạn chấm dứt hợp đồng số: 04/1996/HĐKT ngày 12/5/1996 vào ngày 12/5/2016.

Ngày 13/4/2016, Công ty TNHH Thương mại Lương Cơ tiếp tục có văn bản gửi BVMC và gửi cho nhiều cơ quan chức năng, về việc hợp tác giải quyết mẫu thuẫn tại mỏ Châu Pha.

Tổng số tiền Công ty TNHH Thương mại Lương Cơ đang nợ BVMC đến 31/12/2015 là: 1.915.774.400 đồng

➤ **Công ty TNHH Lợi Nguyên**

Diện tích mỏ tạm giao khoảng: 08 ha thuộc khu vực sườn Đông - Bắc núi Bao Quan.

Thời hạn hợp đồng kinh tế số: 05/HĐKT ngày 18/5/1996 có giá trị thực hiện đến 18/5/2014 (Hợp đồng đã hết thời hạn thực hiện). Ngày 20/5/2014, BVMC đã ra Thông báo số 273/KSV.KHKD về việc tiến hành thanh lý Hợp đồng và thu hồi công nợ. Nhưng Công ty TNHH Lợi Nguyên không ký thanh lý hợp đồng và chưa thanh toán công nợ cũ.

Để duy trì hoạt động khai thác khoáng sản tại mỏ Châu Pha, BVMC đang thực hiện bán đá nguyên khai cho công ty TNHH Lợi Nguyên theo từng Đơn hàng trong tháng và mỗi hồ chiếu nổ mìn, ngoài việc Công ty TNHH Lợi Nguyên phải **trả hết toàn bộ giá trị khối lượng của một hồ chiếu** thì phải trả thêm **50 triệu** đồng nợ cũ.

Ngày 12/4/2016, BVMC tiếp tục mời Công ty TNHH Lợi Nguyên đến làm việc để yêu cầu Công ty TNHH Lợi Nguyên cam kết tăng cường trả nợ cũ (**200 triệu đồng/tháng**) theo đúng nội dung chỉ đạo của HĐQT họp ngày 25/3/2016.

Tổng số tiền Công ty TNHH Lợi Nguyên đang nợ BVMC đến 31/12/2015 là: 4.297.245.614 đồng

➤ **Công ty TNHH Hoàng Minh Thông**

Diện tích mỏ tạm giao khoảng: 02 ha thuộc khu núi Trọc

Hợp đồng kinh tế số: 61/2009/HĐKT.KSV.ĐTKD ngày 10/11/2009, được gia hạn 03 lần có giá trị thực hiện đến hết ngày 31/12/2013.

Phương thức hợp tác kinh doanh: thực hiện theo phương thức BVMC khoan, nổ mìn bán đá nguyên liệu cho Công ty TNHH Hoàng Minh Thông tự chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

Hiện nay, Công ty TNHH Hoàng Minh Thông đã đổi tên Công ty và người đại diện pháp luật; đồng thời có văn bản đề nghị tiếp tục được hợp tác với BVMC. Ngày 17/4/2014, Công ty TNHH Hoàng Minh Thông (**nay là Công ty TNHH Trường Minh**) đã có văn bản số 01/4/2014/CV-TM với mong muốn được tiếp tục hợp tác khai thác với Công ty Khoáng sản Vinaconex (hiện nay là BVMC) tại mỏ đá xây dựng Châu Pha, xã Châu Pha, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Hiện nay, BVMC chưa ký mới hợp đồng với Công ty TNHH Trường Minh mà chỉ thực hiện bán đá nguyên khai cho Công ty TNHH Trường Minh theo từng Đơn hàng trong tháng.

Về công nợ: Tính đến thời điểm báo cáo, Công ty TNHH Hoàng Minh Thông đã thanh toán dứt điểm toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi chậm thanh toán cho Công ty Khoáng sản Vinaconex (hiện nay là BVMC - Bản đối chiếu xác nhận công nợ số: 01/04/2014).

➤ **Công ty TNHH Khai thác đá XD Thuận Lập**

Phần diện tích mỏ tạm giao khoảng 08 ha nằm về phía Đông Bắc của Núi Trọc.

Hợp đồng kinh tế số 08/TB.KS ngày 18/7/1996, có giá trị thực hiện 08 năm kể từ ngày 18/7/1996.

Ngày 24/01/1998, Công ty TNHH Tân Lập có văn bản gửi Công ty Khoáng sản về việc xin chấm dứt Hợp đồng hợp tác kinh doanh đá VLXD trước thời hạn.

Ngày 17/02/1998, hai bên đã tiến hành thanh lý Hợp đồng kinh tế số 08/TB.KS ngày 18/7/1996 trước thời hạn.

Tháng 7/2007, tại khai trường này Công ty ký hợp đồng số 21/2007-HĐKT.KSV.ĐTKD với Công ty TNHH Bến Thủy, thời hạn 03 năm.

Tháng 5/2009, Công ty TNHH Bến Thủy có văn bản số 12/CV.BT đề nghị nhượng lại việc thực hiện đồng số 21/2007-HĐKT.KSV.ĐTKD cho Công ty TNHH Lợi Nguyên và hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng vào ngày 23/5/2009.

Sau khi thanh lý hợp đồng số 21/2007-HĐKT.KSV.ĐTKD với Công ty TNHH Bến Thủy, BVMC ký hợp đồng số 20/2009-HĐKT.KSV.ĐTKD ngày 23/5/2009 với Công ty TNHH Lợi Nguyên, hợp đồng được gia hạn đến hết ngày 27/7/2012.

Ngày 12/9/2012, BVMC đã có văn bản số 416/KSV.KD đề nghị Công ty TNHH Lợi Nguyên di dời thiết bị, sản phẩm tại khai trường khai thác (khai trường tạm giao cho Công ty TNHH Bến Thủy) để giao lại khai trường cho BVMC.

Hiện nay, tại khai trường khai thác này BVMC chưa ký hợp đồng hợp tác với đơn vị đối tác nào.

Về công nợ: không

1.1.3 Mỏ đá XD Lô IIA - xã Châu Pha – huyện Tân Thành

Tình trạng pháp lý

Tổng diện tích khu vực khai thác theo Giấy phép là: 8,9 ha;

Công suất khai thác: **150.000 m³/năm** (nguyên khối)

Hệ số nở ròi: **K= 1,6** (Quyết định số: 08/2015/QĐ-UBND)

Trữ lượng còn lại của mỏ xác định giá trị doanh nghiệp đến 31/12/2014: **950.422 m³**

Trữ lượng còn lại để tính tiền cấp quyền khai thác theo Biên bản họp Hội đồng tỉnh, thẩm định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với mỏ Long Hương ngày 13/8/2015 của Hội đồng thẩm định là: **963.192 m³**.

Diện tích khai trường: **79.353 m²** theo Hợp đồng thuê đất số 39/HĐTĐ ngày 12/10/2005.

Diện tích Sân công nghiệp: **36.150 m²** theo Hợp đồng thuê đất số 26/HĐTĐ ngày 14/5/2009.

Tháng 4/2015, Công ty nộp đơn xin gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản: 1481 QĐ/QLTN

Tháng 6/2015, Sở TN&MT có văn bản số: 1631/STNMT-KS yêu cầu Công ty tạm dừng hoạt động khai thác để tiến hành các thủ tục xin gia hạn Giấy phép khai thác theo qui định.

Tiền cấp quyền khai thác: (theo Biên bản họp tỉnh, thẩm định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản ngày 15/3/2015 của Hội đồng tỉnh, thẩm định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản)

- Tổng số tiền cấp quyền khai thác phải nộp: 5.903.433.015 đồng
- Số lần nộp: 3 lần, bằng nửa thời hạn giấy phép được cấp quy định tại Điểm a Khoản Điều 11 Nghị định 203.

Quan hệ hợp tác

Tại mỏ Lô IIA chỉ có 01 đối tác là Công ty TNHH Hoàng Hà

Hợp đồng kinh tế số: 23/2007/HĐKT.KSV.ĐTKD ngày 06/9/2007 đã hết hiệu lực, hai bên đã ký thanh lý Hợp đồng.

Về công nợ: Tính đến ngày 31/12/2015 Công ty TNHH Hoàng Hà còn nợ BVMC nợ gốc là: 363.286.136 đồng.

1.1.4 Mỏ đá Puzolan Núi Thơm - xã Long Tân – huyện Đất Đỏ

Tổng diện tích khai thác: **30,8 ha**

Thời hạn khai thác đến 2018 (**còn 04 năm**)

Trữ lượng còn lại của mỏ xác định giá trị doanh nghiệp đến 31/12/2014: **4.599.806 m³**

Trữ lượng được phép khai thác (*cấp trữ lượng 122*) là: **1,4 triệu tấn**. Để được phép khai thác hết trữ lượng theo Giấy phép (**6 triệu tấn**) phải tiến hành nâng cấp trữ lượng (*từ cấp tài nguyên 222 và 333 lên cấp trữ lượng 122*).

Hệ số nở ròi: **K= 1,449** (Quyết định số: 08/2015/QĐ-UBND)

Công suất khai thác: **300.000 tấn/năm**

Diện tích khai trường: **308.380 m²** theo Hợp đồng thuê đất số: 31/HĐTD ngày 08/08/2005

Diện tích Sân công nghiệp: **33.241,2 m²** theo Hợp đồng thuê đất số: 28/HĐTD ngày 10/6/2009

Công ty tự tổ chức khai thác và chế biến sản phẩm để cung cấp cho thị trường, công suất bình quân 2012-2014 là 55%.

Lập thủ tục xin cấp Giấy phép thăm dò bổ sung, nâng cấp trữ lượng (*cấp Tài nguyên lên cấp Trữ lượng*) trong phạm vi ranh giới mỏ đã được cấp phép khai thác với diện tích khoảng 20 ha, kinh phí dự kiến: **2.500.000.000 tỷ**.

Tiền cấp quyền khai thác đã được phê duyệt theo quyết định số: 3156/QĐ-BTNMT ngày 30/12/2014 đối với phần trữ lượng cấp trữ lượng 122 là: **1.274.555.000 đồng**; Số tiền đã nộp tính đến 30/4/2016: **1.000.000.000 đồng**.

1.1.5 Mỏ đá Puzolan Núi Đất - xã Long Phước – thị xã Bà Rịa

Tình trạng pháp lý

Tổng diện tích khu vực khai thác theo Giấy phép là: **48,21 ha**

Thời gian khai thác đến 2026 (**còn 12 năm**)

Công suất khai thác: **300.000 tấn/năm**

Hệ số nở ròi: **K= 1,449** (Quyết định số: 08/2015/QĐ-UBND)

Trữ lượng được phép khai thác (*cấp trữ lượng 122*) là: **7.335.000 tấn**. Để được phép khai thác hết trữ lượng theo Giấy phép (**11.394.405 tấn**) phải tiến hành nâng cấp trữ lượng (*từ cấp tài nguyên 222 và 333 lên cấp trữ lượng 122*).

Trữ lượng còn lại tính đến 31/12/2014: 11.005.508 tấn.

Diện tích khai trường khai thác: **395.900.4 m²** theo Hợp đồng thuê đất: số 18/HĐTD ngày 18/8/2006.

Diện tích sân công nghiệp: Không có

Lập thủ tục xin cấp Giấy phép thăm dò bổ sung, nâng cấp trữ lượng (*cấp Tài nguyên lên cấp Trữ lượng*) trong phạm vi ranh giới mỏ đã được cấp phép khai thác với diện tích khoảng 35 ha, kinh phí dự kiến: 3,0 tỷ.

Tổng số tiền cấp quyền khai thác đã được phê duyệt theo quyết định số: 3162/QĐ-BTNMT ngày 30/12/2014 là: **11.526.344.000 đồng**.

Tổng số lần nộp: **09 lần**

Số tiền nộp lần 1 trong năm 2015: **1.280.704.000 đồng**.

Hiện tại: **Công ty chưa có nguồn để nộp theo qui định**

Quan hệ hợp tác

Tại mỏ Núi Đất hợp tác với 01 Đơn vị đối tác là: Công ty TNHH XD-GT Đức Hạnh theo Hợp đồng số: 11/HĐKT/98 ngày 28/12/1998.

Từ đầu năm 2002 đến đầu năm 2010, mỏ ngưng hoạt động khai thác do tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh.

Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) trong vai trò là đại diện chủ sở hữu nhà nước Công ty TNHH MTV Khoáng sản Bà Rịa-Vũng Tàu đã nhiều lần làm việc với Công ty TNHH Đức Hạnh đồng thời chỉ đạo BVMC thực hiện các nội dung theo chỉ đạo của Phó Thủ tướng Trương Vĩnh Trọng tại Công văn số 1660/VPCP-KNTN ngày 18/3/2011. Theo đó, BVMC đã thống nhất với Công ty TNHH Đức Hạnh thành lập Công ty cổ phần Núi Đất (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3501829587 và ngày 29/4/2011) với vốn điều lệ 22,5 tỷ đồng, trong đó: Công ty TNHH Đức Hạnh và cá nhân Bà Nguyễn Thị Hân (Vợ Ông Đoàn Văn Đức – Giám đốc Công ty TNHH Đức Hạnh) đóng góp 11,25 tỷ đồng chiếm 50% Vốn điều lệ và Công ty TNHH MTV Khoáng sản Bà Rịa – Vũng Tàu đóng góp 11,25 tỷ đồng chiếm 50% vốn điều lệ. Ngay khi thực hiện các thủ tục và triển khai hoạt động, các cổ đông sáng lập đã bàn bạc nhưng không thống nhất phương án hoạt động và hình thức góp vốn. Sự bất đồng này tiếp tục kéo dài làm cho Công ty cổ phần Khoáng sản Núi Đất đã không thể đi vào hoạt động.

Từ năm 2013, Công ty TNHH Đức Hạnh tiếp tục gửi Đơn kiến nghị SCIC xem xét chỉ đạo BVMC chuyển Giấy phép khai thác mỏ sang Công ty cổ phần Núi Đất. SCIC đã chỉ đạo Công ty TNHH MTV Khoáng sản Bà Rịa –Vũng Tàu triển khai thực hiện việc này. Tuy nhiên, Công ty TNHH Đức Hạnh và BVMC chưa góp đủ vốn theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Núi Đất nên chưa đủ điều kiện để chuyển nhượng theo quy định tại Điều 66 Luật Doanh nghiệp; Khoản 1 Điều 24 Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 9/3/2012 của Chính phủ Hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và theo hướng dẫn của Bộ Tài Nguyên và Môi trường tại Công văn số 42/BTNMT-ĐCKS ngày 8/1/2015 việc chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản. Do BVMC đang gặp nhiều khó khăn trong hoạt động SXKD, đặc biệt tình hình tài chính mất cân đối nghiêm trọng, các khoản nợ tồn đọng không có khả năng thanh toán. Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước đã trình đề xuất Thủ tướng chính phủ cho phép cổ phần hóa công ty. Căn cứ Công văn số 9806/VPCP-ĐMDN ngày 08/12/2014, Công văn số 8281/VPCP-ĐMDN ngày 12/10/2015 thông báo ý kiến của Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Văn Ninh và Công văn số 9461/VPCP-ĐMDN ngày 16/11/2015 của Văn phòng

Chính phủ về việc cổ phần hóa Công ty; SCIC đã cơ bản hoàn tất các bước xác định giá trị doanh nghiệp, xây dựng phương án cổ phần hóa và Quy chế bán cổ phần lần đầu, Quy chế bán cho nhà đầu tư chiến lược và công bố thông tin bán cổ phần lần đầu.

Tháng 3/2016 Công ty TNHH Đức Hạnh gửi đơn kiến nghị đến Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc và Bộ Tài chính kiến nghị tiếp tục về vấn đề hợp tác với BVMC. SCIC đã báo cáo việc xử lý đơn kiến nghị gửi Ban chỉ đạo đổi mới và phát triển doanh nghiệp tại có công văn số 820/ĐTKDV-CNPN ngày 15/4/2016 và công văn số 821/ĐTKDV-CNPN ngày 15/4/2016 trả lời Công ty TNHH Đức Hạnh trong đó nêu rõ: “Việc thực hiện chuyển nhượng Giấy phép khai thác mỏ Núi Đất sang công ty cổ phần sẽ không còn phù hợp và ảnh hưởng đến phương án cổ phần hóa chung toàn công ty. Vì vậy, Quý Công ty quan tâm đến việc khai thác mỏ Núi Đất sẽ có quyền đăng ký tham gia mua cổ phần khi SCIC tiến hành công bố thông tin bán đấu giá cổ phần lần đầu trên các phương tiện thông tin đại chúng.”

1.2 Tình hình triển khai một số dự án đầu tư của Công ty

Các dự án của Công ty được triển khai theo từng giai đoạn và đến nay đều chưa hoàn thành, hiệu quả kinh tế thấp.

Trong 5 dự án chỉ có dự án sản xuất gạch không nung là đã đưa vào vận hành sử dụng tạo ra sản phẩm. Tuy nhiên, nhu cầu sử dụng loại gạch này vẫn chưa phổ biến, hàng tồn kho lớn nên hiện tại xưởng phải đóng cửa. Các dự án như Cảng Bà Rịa thì chỉ mới hoàn thành ở giai đoạn san lấp, chưa hoàn thành các thủ tục pháp lý liên quan giấy chứng nhận quyền sử dụng đất... Đối với dự án cát nhân tạo mới hoàn thành giai đoạn 1, chỉ phục vụ cho việc nghiền đá còn sản xuất cát nhân tạo thì phải tiếp tục đầu tư mua máy móc thiết bị thì dự án mới hoàn chỉnh.

Do gặp nhiều khó khăn trong cân đối tài chính nên Công ty đã ngưng không đầu tư vào các dự án còn dở dang, cũng như không xây dựng, nâng cấp, sửa chữa nhà xưởng, mua sắm tài sản cố định.

Tình hình cụ thể như sau:

1.2.1 Dự án Cảng Bà Rịa I

Vị trí dự án: Phường Phước Trung, Thành phố Bà Rịa

Tổng mức đầu tư được duyệt: 77,9 tỷ đồng

Tổng chi phí đã thực hiện: 33,42 tỷ đồng (gồm chi phí đền bù giải phóng mặt bằng hơn 18 tỷ đồng và Chi phí san lấp khoảng: 15,4 tỷ đồng)

Tổng chi phí đầu tư thực hiện theo đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán: 28 tỷ đồng

Đơn vị kiểm toán AASC đã phát hành báo cáo kiểm toán chi phí số 20/2015/BC.KTXD-AASC.HCM ngày 30/1/2015 về báo cáo quyết toán chi phí đầu tư thực hiện hoàn thành dự án Cảng Bà Rịa I.

Ý kiến của đơn vị kiểm toán AASC: Về cơ bản hồ sơ quyết toán chi phí đầu tư thực hiện hoàn thành dự án Cảng Bà Rịa I do BVMC lập là đầy đủ so với quy định. Tuy nhiên, tại thời điểm kết thúc cuộc kiểm toán hồ sơ báo cáo quyết toán dự án vẫn còn một số hạn chế:

Đối với dự án này việc xây dựng chỉ được tiến hành khi có quyết định giao đất của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, tuy nhiên BVMC đã triển khai thi công khi chưa có quyết định giao đất và quyết định phê duyệt thiết kế dự toán. Đồng thời việc thi công do đơn vị tự thực hiện nhưng không có kế hoạch đấu thầu được duyệt và quyết định giao việc cho đơn vị tự thực hiện.

Về giá trị quyết toán chi phí xây lắp hạng mục san lấp mặt bằng: tại thời điểm kiểm toán chúng tôi chưa thu thập đủ bằng chứng kiểm toán cho việc xác định đá nguyên liệu và đá thành phẩm nhập kho, xuất kho

tại mỏ Long Hương của BVMC. Do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến về giá vốn hàng bán, giá trị đá nguyên liệu từ mỏ đá Long Hương cho công trình Cảng Bà Rịa I.

Về chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: Một số chi phí chưa hoàn thành việc thanh toán do đó chưa thanh lý hợp đồng và nhà thầu chưa xuất hóa đơn tài chính.

Hiện trạng dự án: Hoàn thành đầu tư GĐ 1 gồm đền bù GPMB và san lấp mặt bằng, XD hàng rào. Ngày 12/4/2016, UBND tỉnh Bà Rịa đã ra Quyết định thu hồi và hủy bỏ Quyết định số 142/QĐ-UBND ngày 15/01/2007 và chấm dứt hoạt động Dự án Cảng Bà Rịa I.

1.2.2 Dự án đầu tư dây chuyền nghiền sàng đá dăm và cát nhân tạo

Vị trí dự án: mỏ đá xây dựng Long hương, phường Kim Dinh, Thành phố Bà Rịa

Tổng mức đầu tư được duyệt: 24,55 tỷ đồng

Tổng chi phí đầu tư thực hiện theo đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán: **20,5 tỷ đồng**

Đơn vị kiểm toán AASC đã phát hành báo cáo kiểm toán chi phí số 18/2015/BC.KTXD-AASC.HCM ngày 30/1/2015 về báo cáo quyết toán chi phí đầu tư dự án hoàn thành dự án đầu tư Dây chuyền nghiền sàng đá dăm và cát nhân tạo.

Ý kiến của đơn vị kiểm toán AASC: Về cơ bản hồ sơ quyết toán chi phí đầu tư thực hiện hoàn thành dự án Đầu tư dây chuyền nghiền sàng đá dăm và cát nhân tạo do BVMC lập là đầy đủ so với quy định. Tuy nhiên, tại thời điểm kết thúc cuộc kiểm toán hồ sơ báo cáo quyết toán dự án vẫn còn một số hạn chế:

Về trình tự đầu tư thực hiện: khi thực hiện dự án tuy chưa có quyết định phê duyệt thiết kế dự toán BVMC vẫn ban hành quyết định số 224/QĐ-KSV-QLDA ngày 10/8/2010 giao đội thi công xây dựng tự thực hiện phần xây lắp đồng thời không thuê tư vấn giám sát độc lập giám sát thi công, việc này trái với khoản 2 điều 23 Luật đấu thầu số 61/2005/QH11 ngày 29/11/2005.

Về chi phí phát sinh: một số hạng mục phát sinh ngoài phạm vi tổng mức đầu tư được duyệt tại Quyết định số 115/QĐ-KSV.ĐT ngày 16/6/2010. Tổng chi phí phát sinh đề nghị quyết toán là 6.579.586.000 đồng.

Về việc lựa chọn nhà thầu cung cấp, lắp đặt thiết bị: một số gói thầu có giá trị trúng thầu được duyệt và giá trị hợp đồng được hai bên ký kết vượt giá gói thầu theo kế hoạch đấu thầu được duyệt. Tổng số tiền vượt kế hoạch đấu thầu: 1.297.322.000 đồng.

Về chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: Một số chi phí chưa hoàn thành việc thanh toán do đó chưa thanh lý hợp đồng kinh tế và nhà thầu chưa xuất hóa đơn tài chính.

Hiện trạng dự án: Đã hoàn thành GĐ 1 gồm lắp đặt xong và đi vào sử dụng dây chuyền nghiền đá từ năm 2011. Dự án được đầu tư xây dựng trên đất thuê của cá nhân. Kể từ 01/01/2016, dây chuyền này đã ngưng hoạt động do đang giải quyết về đất thuê của cá nhân là Bà Phạm Thị Nam như đã nêu tại điểm 1.1.1

1.2.3 Dự án đầu tư dây chuyền sản xuất gạch không nung

Vị trí dự án: Mỏ đá Long Hương, phường Kim Dinh, Thành phố Bà Rịa

Tổng mức đầu tư được duyệt: 5,96 tỷ đồng

Tổng chi phí đầu tư thực hiện theo đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán: **5,41 tỷ đồng .**

Đơn vị kiểm toán AASC đã phát hành báo cáo kiểm toán chi phí số 19/2015/BC.KTXD-AASC.HCM ngày 30/1/2015 về báo cáo quyết toán vốn đầu tư thực hiện hoàn thành dự án đầu tư Dây chuyền gạch sản xuất không nung.

Ý kiến của đơn vị kiểm toán AASC: Về cơ bản hồ sơ quyết toán chi phí đầu tư thực hiện hoàn thành dự án sản xuất gạch không nung do BVMC lập là đầy đủ so với quy định. Tuy nhiên, tại thời điểm kết thúc cuộc kiểm toán hồ sơ báo cáo quyết toán dự án vẫn còn một số hạn chế:

Về trình tự thực hiện đầu tư: Khi thực hiện dự án tuy chưa có quyết phê duyệt thiết kế dự toán, quyết định phê duyệt kết quả trúng thầu, BVMC vẫn tiến hành ký kết hợp đồng kinh tế với các đơn vị để thực hiện.

Về hình thức lựa chọn nhà thầu Gói thầu 01: Dây chuyền sản xuất gạch không nung: theo kế hoạch đấu thầu được duyệt là chỉ định thầu nhưng BVMC thực hiện lựa chọn nhà thầu theo hình thức chào hàng cạnh tranh.

Về chi phí phát sinh: Một số chi phí phát sinh nằm ngoài phạm vi tổng mức đầu tư được duyệt tại quyết định số 235/QĐ-KSV-ĐT ngày 01/10/2010. Tổng chi phí phát sinh đề nghị quyết toán là 861.724.653 đồng.

Hiện trạng dự án: Đã hoàn thành và đi vào sản xuất năm 2011. Hiện nay, BVMC đang cho Công ty Cổ phần Đại Hồng Sơn thuê toàn bộ thiết bị, nhà xưởng. Thời hạn cho thuê nhà máy 3 năm từ năm 2014. Giá thuê nhà máy: 80 triệu đồng /tháng (đã bao gồm VAT) .

1.3 Tình hình đầu tư tài chính của BVMC

TT	Tên đơn vị đầu tư	Địa điểm	Tổng mức đầu tư được duyệt	Tổng chi phí đầu tư thực hiện theo BC kiểm toán	Mục đích đầu tư	Hiện trạng dự án
1	Dự án góp vốn đầu tư tại CTCP Phương Hải	Ninh Thuận	9,502 tỷ đồng	4,0 tỷ đồng	Sản xuất Xi măng; đá xây dựng và VLXD	BVMC là cổ đông lớn nắm giữ phần vốn góp chiếm 42% vốn điều lệ. Năm 2015, Công ty CP Phương Hải đã được HĐQT thống nhất dừng triển khai Dự án và trả lại Giấy phép khai thác mỏ cho UBND. Do Công ty CP Phương Hải và các cổ đông không tiếp tục đầu tư vào mỏ đá
2	Dự án góp vốn đầu tư tại CTCP Khoáng Sản Núi Đất	Bà Rịa – Vũng Tàu	22,5 tỷ đồng	0,242 tỷ đồng	Khai thác và chế biến đá VLXD, đá puzolan	BVMC góp 50%. Tháng 6/2014, BVMC tiến hành bán đấu giá 50% vốn góp tại Công ty CP Khoáng Sản Núi Đất.

1.4 Trình độ công nghệ và năng lực sản xuất

- **Công tác khoan khai thác sử dụng bằng máy nén khí.** Máy móc thiết bị khoan cũ kỹ và tương đối lạc hậu, vì vậy năng suất thấp vì thế làm tăng chi phí sản xuất tăng giá thành, giảm sức cạnh tranh của sản phẩm. Nguyên nhân là do sản xuất khá phân tán, khai trường bị chia tách bởi nhiều đối tác nên không có mặt bằng đủ rộng để cơ giới hóa khâu này;

- **Nổ mìn:** hiện nay đang thuê dịch vụ nổ mìn. Công ty dịch vụ đã và đang sử dụng công nghệ nổ mìn vi sai phi điện, sử dụng thuốc nổ anfo ít ảnh hưởng đến môi trường như giảm rung động và giảm khí thải;
- **Chế biến:** công ty sử dụng công nghệ lạc hậu được sản xuất từ những năm 80 vì vậy hiệu quả và chất lượng sản phẩm chưa cao; hoặc có công nghệ tương đối hiện đại (dây chuyền nghiền sang cát nhân tạo) nhưng mới dừng lại ở giai đoạn 1 do thiếu vốn, nên mục tiêu chế biến sâu mang lại giá trị gia tăng cao hơn cho sản phẩm theo mục tiêu của dự án đã không đạt được như mong muốn;
- **Khâu bảo quản sản phẩm:** phần lớn sản phẩm để ngoài trời chỉ riêng Puzolan Núi Thơm theo yêu cầu một phần phải bảo quản trong kho để bảo đảm độ ẩm. Tuy nhiên kho bảo quản xây dựng không đạt chuẩn (do thiếu vốn) đã không mang lại kết quả là giảm độ ẩm của thành phẩm như yêu cầu của khách hàng;
- **Công tác sửa chữa máy móc thiết bị phục sản xuất:** đây là khâu hậu cần quan trọng bảo đảm giờ máy hoạt động phục vụ sản xuất là cao nhất. Trước năm 2013 công ty đã trang bị cho bộ phận xưởng tương đối đầy đủ từ nhà xưởng đến trang thiết bị máy móc, tuy nhiên 2 năm gần đây xưởng không còn vai trò nhiều do công ty chuyển sang hình thức thuê khoán nhiều công đoạn sản xuất;

1.5 Hệ thống quản lý chất lượng

Công ty chưa áp dụng hệ thống quản lý chất lượng toàn diện theo tiêu chuẩn ISO vì vậy sản phẩm chưa thể hợp chuẩn và vì vậy cũng chưa có chứng nhận hợp quy. Công ty đang tiến hành xây dựng hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn ISO 9001-2008 và hợp quy theo hợp chuẩn theo quy chuẩn 16/QC-BXD phiên bản 2014.

1.6 Hoạt động Marketing

Với tính chất đặc thù của ngành khai thác khoáng sản hiện nay, còn gặp rất nhiều khó khăn trong công tác tiêu thụ do thị trường bất động sản chưa được hồi phục. Hơn nữa, tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có trên 20 Doanh nghiệp được cấp Giấy phép khai thác khoáng sản, nên khả năng tiêu thụ sẽ có sức cạnh tranh rất khốc liệt, đặc biệt là sản phẩm đá phụ gia xi măng, thị trường tiêu thụ hạn chế. Do vậy, trong thời gian tới để sản phẩm của công ty được tiêu thụ tốt và có tính cạnh tranh mạnh trên thị trường thì giải pháp cho công tác Marketing phải được Công ty cổ phần chú trọng một số giải pháp, cụ thể:

- **Đối với Bộ phận làm kinh doanh, thị trường:** Cần có sự đầu tư cho công tác khảo sát, điều tra, nghiên cứu thị trường. Đặc biệt, để khuyến khích đội ngũ Marketing, tiếp thị năng động hơn, có thái độ phục vụ khách hàng tận tình, chu đáo và gần gũi với khách hàng. Công ty nên sử dụng chế độ thưởng, phạt. Căn cứ vào chế độ đó nhân viên sẽ được khuyến khích bằng chính sách thưởng, phạt theo tỷ lệ (%) của doanh thu vượt khoán, đó chính là động lực kích thích họ tích cực đi tìm kiếm những khách hàng mua với khối lượng lớn.
- **Chú trọng nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hóa:** Công ty phải chú trọng đến qui cách, chất lượng sản phẩm và theo nhu cầu của thị trường tiêu thụ. Sản phẩm sản xuất của Công ty là phải hướng tới khách hàng, thị trường và do thị trường quyết định. Chất lượng sản phẩm là yếu tố quyết định đầu tiên trong quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty.

- **Xây dựng chính sách giá cả phù hợp:** Căn cứ giá thành sản phẩm tại từng thời điểm của Công ty, ngoài việc áp dụng các mức giá đã công bố, đối với một số đối tác khách hàng, hoặc các đơn hàng lẻ Công ty sẽ áp dụng chính sách giá linh hoạt theo từng đối tượng, từng thời điểm cụ thể tùy thuộc vào khu vực hoặc tiềm năng của khách hàng và tùy thuộc vào khối lượng hàng nhằm duy trì quan hệ hợp tác tốt đẹp lâu dài, đôi bên cùng có lợi. Hàng tháng phòng Kế toán phải ra được giá thành cho từng loại sản phẩm, căn cứ vào giá thành, phòng Kế hoạch - Kinh doanh sẽ trình lãnh đạo Công ty trong việc cân nhắc giá cả hợp lý cho từng khách hàng.

1.7 Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Đối với đá xây dựng do cung không đủ cầu nên công ty không ký hợp đồng.

Đối với đá puzolan công ty cung cấp cho các nhãn hiệu nổi tiếng như Holcim, Hà Tiên, Thăng Long, Cẩm Phả, Phúc Sơn... công ty đã ký trực tiếp hoặc ký gián tiếp qua trung gian vận chuyển. Một số hợp đồng lớn đã và đang thực hiện như sau:

- Hợp đồng bán đá Puzolan cho Nhà máy xi măng Công Thanh số: 26/2015/HĐMT/BVMC.KHKD ngày 02/07/2015.
- Hợp đồng bán đá Puzolan cho Nhà máy xi măng Cẩm Phả số: 10/2014/HĐKT-CNPN ngày 02/01/2015.
- Hợp đồng bán đá Puzolan cho Nhà máy xi măng Thăng Long số: 61/2013/CNTL-KSV ngày 01/12/2013.
- Hợp đồng bán đá Puzolan cho Nhà máy xi măng Holcim số: 12047/HVPC/2012 ngày 28/02/2012.

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh đến 31/12/2015

Các chỉ số về khả năng thanh toán đều ở mức thấp (<1), cho thấy Công ty thường xuyên bị mất cân đối nguồn vốn. Nợ các ngân hàng, các đối tác, đặc biệt là nợ thuế rất lớn đều không có nguồn để cân đối thanh toán.

Tình hình tài chính công ty đang mất cân đối nghiêm trọng do nhiều nguyên nhân, tuy nhiên chủ yếu là tồn đọng nợ phải thu lớn và nguồn vốn vay ngắn hạn được dùng để đầu tư cho các dự án dài hạn kém hiệu quả nên công ty không có vốn phục vụ sản xuất.

2.1 Bảng cân đối kế toán 2012-2015 của Công ty như sau

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+130+140+150)	43.536.930.495	44.680.559.944	36.420.448.535	37.353.838.819
I. Tiền	144.737.350	910.190.095	764.467.828	90.730.287
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	32.989.635.887	33.312.229.344	20.268.868.382	28.937.722.960
III. Hàng tồn kho	6.205.439.304	7.869.011.956	7.998.848.869	8.289.446.369
IV. Tài sản ngắn hạn khác	4.197.117.954	2.589.128.549	7.388.263.456	35.939.203
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+250+260)	83.447.577.959	80.619.635.176	78.367.913.389	61.967.586.990

CHỈ TIÊU	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
I. Tài sản cố định	76.970.223.387	75.308.590.225	54.532.243.533	21.997.200.327
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	4.234.000.000	4.647.636.364	4.000.000.000	3.092.346.489
III. Tài sản dài hạn khác	815.966.447	663.408.587	19.835.669.856	9.629.924.412
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	126.984.508.454	125.300.195.120	114.788.361.924	99.321.425.809
NGUỒN VỐN				
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	79.294.358.850	93.650.952.410	106.346.175.197	91.378.495.611
I. Nợ ngắn hạn (310)	62.174.658.850	78.350.952.410	102.076.954.281	91.378.495.611
II. Nợ dài hạn (330)	17.119.700.000	15.300.000.000	4.269.220.916	0
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	47.690.149.604	31.649.242.710	8.442.186.727	7.942.930.198
I. Vốn chủ sở hữu	47.690.149.604	31.649.242.710	8.442.186.727	7.942.930.198
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	7.758.816	7.758.816	7.758.816	7.758.816
3. Lợi nhuận ST chưa phân phối	(2.317.609.212)	(18.358.516.106)	(41.565.572.089)	(42.064.828.618)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	126.984.508.454	125.300.195.120	114.788.361.924	99.321.425.809

2.2 Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Công thức tính	2012	2013	2014	2015
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán						
	Hệ số thanh toán hiện hành	Lần	Tổng TS ngắn hạn/Tổng NPT ngắn hạn	0,7	0,57	0,35	0,41
	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	(Tổng TSNH- Hàng tồn kho)/Tổng nợ NH	0,6	0,46	0,27	0,32
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn						
	Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	Nợ PT/Tổng TS	0,62	0,74	0,92	0,92
	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	Nợ PT/Vốn CSH	1,66	2,95	12,59	11,50
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động						
	Vòng quay vốn chủ sở hữu	Lần	DT thuần/vốn chủ sở hữu	1,1	1,33	4,26	6,10
	Vòng quay tổng tài sản	Lần	DT thuần/ Tổng TS	0,4	0,33	0,31	0,49
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời						
	Hệ số sinh lời/ DT	%	Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	(5%)	(43%)	(115%)	(0,62%)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Công thức tính	2012	2013	2014	2015
	ROE	%	LNST/ Vốn CSH	(5,80%)	(58%)	(492,00%)	(3,77%)
	ROA	%	LNST/Tổng TS	(2,70%)	(14,65%)	(36,21%)	(0,3%)

2.3 Kết quả hoạt động sản xuất kinh năm 2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Parker Randall Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015				
				Đơn vị: VND
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng	01	21	48.500.409.213	35.985.441.966
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	18.909.091	11.549.091
3. Doanh thu thuần về bán hàng (10= 01-02)	10	21	48.481.500.122	35.973.892.875
4. Giá vốn hàng bán	11	22	38.194.853.544	33.911.566.413
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10 - 11)	20		10.286.646.578	2.062.326.462
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.351.224	6.892.039
7. Chi phí tài chính	22	23	3.416.490.818	4.217.959.260
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.507.337.307	3.975.665.260
8. Chi phí bán hàng	25	24	1.344.090.116	1.683.475.473
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	5.779.506.100	8.318.608.545
10. Lợi nhuận/ (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(252.089.232)	(12.150.824.777)
11. Thu nhập khác	31		2.216.718.064	13.808.563.929
12. Chi phí khác	32		2.263.885.361	7.728.290.540
13. (Lỗ)/ Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	26	(47.167.297)	6.080.273.389
14. Tổng lợi nhuận/ (lỗ) kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp (50 = 30 + 40)	50		(299.256.529)	(6.070.551.388)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	-	2.169.456.934
17. Lợi nhuận/ (lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		(299.256.529)	(8.240.008.322)

2.4 Báo cáo tài chính các năm từ 2009 đến 2015 của BVMC đã được kiểm toán, cụ thể như sau

BCTC từ năm 2009-2013: Chi nhánh Công ty TNHH Hăng kiểm toán AASC thực hiện và phát hành báo cáo kiểm toán. BCTC các năm từ 2009 đến 2013 của BVMC đã phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính công ty, ngoại trừ một số nội dung như sau:

- Tại thời điểm kiểm toán các năm, Công ty chưa thực hiện đối chiếu đầy đủ các khoản phải thu khách hàng, trả trước cho người bán, các khoản phải thu khác, tạm ứng, phải trả người bán, người mua trả tiền trước số lượng và giá trị hàng gửi kho.
- Đến thời điểm 31/12/2013 trên sổ kế toán của Công ty đang ghi nhận giá trị hàng gửi kho (thành phẩm đã xây dựng các loại) từ 2010-2012 là 5.992.003.920 đồng (số hàng này đã được công ty xuất hóa đơn giá trị gia tăng và ghi nhận doanh thu trong các năm từ 2010 đến 2012). Tại thời

điểm 31/12/2013, Công ty đã thực hiện kiểm kê hàng tồn kho, theo cam kết của Ban giám đốc Công ty, tại thời điểm kiểm kê số lượng hàng gửi kho của khách hàng không tồn tại trong kho Công ty. Chúng tôi đã gửi thư xác nhận đến khách hàng có hàng gửi kho đang theo dõi trên sổ sách công ty nhưng không nhận được phản hồi (ngoại trừ DNTN Minh Ngọc xác nhận không có hàng gửi kho). Bằng thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi không có đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về tính hiện hữu của tài sản này nên chúng tôi không đưa ra ý kiến về khoản mục hàng tồn kho, doanh thu và khoản phải thu khách hàng tương ứng với giá trị hàng gửi kho nêu trên cũng như ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục liên quan báo cáo tài chính các năm.

- Tại thời điểm 31/12/2012 và 31/12/2013, tổng quỹ khen thưởng phúc lợi đã chi chưa có nguồn bù đắp đang được trình bày trên khoản mục Các khoản phải thu số tiền là 5.193.529.444 đồng.
- Chúng tôi chưa được cung cấp Quyết định đơn giá tiền lương năm 2009 do Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước phê duyệt cho Công ty nên chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng lũy kế vấn đề này đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012 và 31/12/2013.
- Trong năm 2013, Công ty trích vượt quỹ lương vào chi phí so với đơn giá được giao số tiền là 930.282.562 đồng, tổng quỹ lương trích vượt lũy kế từ 2010 đến 31/12/2013 là 3.907.964.931 đồng. Nếu quỹ lương được trích đúng theo từng năm thì khoản mục Phải trả người lao động trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013 sẽ giảm 3.907.964.931 đồng. Đồng thời trên báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013, chỉ tiêu giá vốn hàng bán sẽ giảm và lợi nhuận kế toán trước thuế tăng số tiền tương ứng.
- Do không có đủ bằng chứng kiểm toán cho việc xác định số lượng đá nguyên liệu và đá thành phẩm nhập kho và xuất kho tại mỏ đá Long Hương của Công ty trong năm 2012 và 2013 nên chúng tôi không đưa ra ý kiến về khoản mục hàng tồn kho và giá vốn hàng bán, giá trị đá nguyên liệu đã xuất cho công trình cảng Bà Rịa 1 tại mỏ Long Hương cũng như ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục liên quan trong báo cáo tài chính qua các năm.

BCTC năm 2014: Công ty TNHH kiểm toán FAC- Chi nhánh Đệ Nhất đã thực hiện và phát hành báo cáo kiểm toán. BCTC 2014 của BVMC đã phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính công ty, ngoại trừ một số nội dung như sau:

- Công ty đang trình bày số tiền lương đã chi vượt đơn giá được duyệt cho giai đoạn từ năm 2009 đến năm 2014 tại khoản mục “Các khoản phải thu khác” – Mã số 135 trên Bảng cân đối kế toán (xem thuyết minh IV.8) với số tiền là 5.462.671.924 đồng. Tuy nhiên, Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng đối với khoản phải thu khó đòi liên quan đến khoản phải thu trên theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT – BTC ngày 07/12/2009 – Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và Thông tư 89/2013/TT – BTC ngày 28/6/2013 – Sửa đổi bổ sung Thông tư 228/2009/TT – BTC ngày 07/12/2009.
- Cho đến thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi vẫn chưa nhận được đầy đủ các thư xác nhận công nợ phải thu, phải trả. Với những tài liệu hiện có tại Công ty, chúng tôi cũng không thể kiểm tra được bằng các thủ tục thay thế khác với các khoản phải thu và phải trả được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014 như sau:

DVT: đồng

Nội dung	31/12/2014	01/01/2014
<i>Phải thu khách hàng (thuyết minh số IV.2)</i>	12.530.405.960	17.080.282.686
<i>Trả trước cho người bán (thuyết minh IV.3)</i>	904.541.719	2.041.709.222
<i>Vay và nợ ngắn hạn (thuyết minh IV.14)</i>	15.230.619.391	23.131.060.815
<i>Phải trả cho người bán (thuyết minh IV.15)</i>	9.667.615.171	11.770.287.478
<i>Người mua trả tiền trước (thuyết minh số IV.16)</i>	1.657.513.120	1.733.504.922

- **Vấn đề cần nhấn mạnh:**

- Công ty đang phân bổ phí cấp quyền khai thác theo trữ lượng thực tế khai thác trong năm vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm (xem thuyết minh IV.13). Tuy nhiên, căn cứ vào công suất khai thác hiện tại cũng như thời gian còn được phép khai thác quy định trong Giấy phép khai thác mỏ thì thời gian khai thác có thể bị kéo dài và vượt quá thời gian cho phép khai thác theo quy định thì Công ty mới có thể khai thác được hết mức trữ lượng còn lại. Thời gian được gia hạn khai thác mỏ sẽ phụ thuộc vào quyết định của Cơ quan nhà nước có liên quan.
- Tại thời điểm 31/12/2014, tổng quỹ khen thưởng phúc lợi đã chi chưa có nguồn bù đắp đang được trình bày trên khoản mục Các khoản phải thu khác (thuyết minh IV.14) số tiền là 5.187.229.444 đồng.
- Tại thời điểm 31/12/2014, số liệu giữa sổ sách kế toán chênh lệch so với số liệu thực tế kiểm kê theo biên bản kiểm kê ngày 31/12/2014 (thuyết minh IV.6). Hội đồng thành viên và Giám đốc đã phê duyệt quyết định xử lý khoản chênh lệch này vào thu nhập khác và chi phí khác. Điều này đã làm chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán phản ánh giảm với số tiền là 487.739.699 đồng. Đồng thời, ảnh hưởng đến các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh: “Thu nhập khác” phản ánh tăng 491.465.625 đồng. “Chi phí khác” phản ánh tăng 979.205.324 đồng và “Lợi nhuận kế toán trước thuế” phản ánh giảm số tiền 487.739.699 đồng.
- Công ty ghi nhận và theo dõi hàng tồn kho nhận giữ hộ của khách hàng phát sinh từ năm 2010 đến năm 2012 trên Bảng cân đối kế toán – chỉ tiêu “Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công” số tiền 5.992.003.920 đồng. Tuy nhiên, khi thực tế kiểm kê, số hàng nhận giữ hộ này không tồn tại. Công ty đã điều chỉnh và theo dõi giá trị hàng tồn kho nhận giữ hộ bị thiếu này tại khoản mục “Tài sản thiếu chờ xử lý” để chờ xử lý.
- Tại ngày 31/12/2014 và ngày 01/01/2014, tổng nợ ngắn hạn lớn hơn tổng tài sản ngắn hạn lần lượt với số tiền là 65.656.505.746 đồng và 41.671.170.610 đồng. Trước thực trạng này, chủ sở hữu Công ty đã ban hành quyết định số 76/QĐ-ĐTKDV ngày 04/03/2014 về việc “Phê duyệt đề án tái cơ cấu Công ty TNHH MTV Đầu tư và Kinh doanh Khoáng sản Vinaconex (hiện nay là BVMC) giai đoạn đến năm 2015” để duy trì khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty được trình bày theo nguyên tắc giá gốc dựa trên cơ sở giả định Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

BCTC năm 2015: Công ty TNHH Parker Radall Việt Nam thực hiện và phát hành báo cáo kiểm toán. BCTC 2015 của BVMC đã phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính công ty, ngoại trừ một số nội dung như sau:

- Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán tại ngày 31/12/2015. Theo ước tính của chúng tôi, dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán cần trích với số tiền là 5.286.920.183 đồng. Theo đó, khoản mục “dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi” trên Bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2015 được trình bày thấp hơn với số tiền là 5.286.920.183 đồng. Đồng thời, trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015, khoản mục “chi phí quản lý doanh nghiệp” cũng được trình bày thấp hơn với số tiền là 5.286.920.183 đồng.
- Tại thuyết minh số 7 của phần Thuyết minh BCTC, Công ty đang trình bày số tiền lương đã chi vượt đơn giá được duyệt cho giai đoạn từ năm 2009 đến 2014 tại khoản mục “phải thu ngắn hạn khác” trên Bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2015 và 01/01/2015 với số tiền là 5.426.671.924 đồng. Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến khoản phải thu trên với số tiền là 5.426.671.924 đồng. Đồng thời, trên BCKQHĐSXKD năm 2015, khoản mục “chi phí quản lý doanh nghiệp” cũng được trình bày thấp hơn với số tiền 5.426.671.924 đồng. Ngoài ra, tính đến thời điểm hiện tại, chúng tôi chưa nhận được quyết định phê duyệt đơn giá tiền lương của chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.
- Công ty chưa ghi nhận chi phí tiền thuê đất để lắp đặt máy nghiền đá dăm và cát nhân tạo với diện tích là 10.000m² tại khu phố Núi Dinh, phường Kim Dinh, Thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu từ tháng 01 đến tháng 06 năm 2015 được trình bày thấp hơn với số tiền là 300.000.000 đồng. Đồng thời, trên Báo cáo KQHĐSXKD năm 2015, khoản mục “giá vốn hàng bán” cũng được trình bày thấp hơn với số tiền là 300.000.000 đồng.
- Như đã trình bày tại thuyết minh 17 của phần Thuyết minh BCTC, Công ty có số dư nợ các khoản thuế phải nộp tại ngày 31/12/2015 với số tiền là 58.890.491.198 đồng (tại ngày 31/12/2014 là 54.132.122.319 đồng), Công ty chưa ghi nhận khoản lãi phát sinh do chậm nộp các khoản phải trả này theo quy định luật quản lý thuế. Do Công ty đang trong quá trình đối chiếu và thống nhất số liệu với cơ quan thuế, theo đó, chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của việc chưa ghi nhận khoản lãi chậm trả này đến BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 và ngày 31/12/2014.
- Vấn đề cần nhấn mạnh:
 - o Như trình bày tại thuyết minh số 11 của phần Thuyết minh BCTC, Công ty đang phân bổ chi phí cấp quyền khai thác theo trữ lượng thực tế khai thác trong năm vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm. Tuy nhiên, căn cứ vào công suất khai thác hiện tại cũng như thời gian khai thác còn được phép khai thác quy định trong Giấy phép khai thác mỏ thì thời gian khai thác có thể kéo dài và vượt quá thời gian cho phép khai thác theo quy định thì Công ty mới có thể khai thác được hết mức trữ lượng còn lại. Thời gian được gia hạn khai thác mỏ sẽ phụ thuộc vào quyết định của Cơ quan nhà nước có liên quan.
 - o Như trình bày tại thuyết minh số 7 của phần Thuyết minh BCTC, tại ngày 31/12/2015 và 01/01/2015, tổng quỹ khen thưởng phúc lợi đã chi nhưng chưa có nguồn bù đắp, Công ty đang trình bày trên khoản mục “phải thu ngắn hạn khác” với số tiền là 5.187.229.444 đồng.

- Như đã trình bày tại thuyết minh số 9 của Thuyết minh BCTC, Công ty ghi nhận và theo dõi hàng tồn kho nhận giữ hộ của khách hàng phát sinh từ năm 2010 đến năm 2012 trên Bảng cân đối kế toán – chỉ tiêu “Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công” số tiền 5.992.003.920 đồng. Tuy nhiên, khi thực tế kiểm kê, số hàng nhận giữ hộ này không tồn tại. Công ty đã điều chỉnh và theo dõi giá trị hàng tồn kho nhận giữ hộ bị thiếu này tại khoản mục “Tài sản thiếu chờ xử lý” để chờ xử lý.
- Trong năm 2015, Cục thuế tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã tiến hành kiểm tra lại Công ty, thời kỳ kiểm tra là từ năm 2008 đến hết năm 2014. Theo biên bản kiểm tra dự thảo của Cục thuế, Công ty phát sinh phải nộp tăng thêm với số tiền là 9.000.861.091 đồng, trong đó thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường, tiền chậm nộp tiền thuế và tiền xử phạt vi phạm hành chính với số tiền lần lượt là 2.174.429.666 đồng, 2.817.565.382 đồng, 166.944.220 đồng, 2.860.346.423 đồng và 450.947.675 đồng. Do Công ty và Cục thuế chưa thống nhất được kết quả cuối cùng, theo đó, Công ty chưa ghi nhận các khoản thuế truy thu, tiền chậm nộp và xử phạt vi phạm hành chính như trên BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.
- Ở đây chúng tôi không phủ nhận ý kiến trên, Chúng tôi xin lưu ý đến các thông tin trình bày trong thuyết minh số 2 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty đã phát sinh khoản lỗ 299.256.529 đồng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015. Tại ngày 31/12/2015, Công ty phát sinh khoản lỗ lũy kế đáng kể là 42.064.828.618 đồng và các khoản nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 54.024.656.792 đồng. Những yếu tố này làm sinh sự hoài nghi về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.
- Như một phần của cuộc kiểm toán BCTC năm 2015, chúng tôi đã kiểm toán những điều chỉnh được mô tả trong thuyết minh số 3 được áp dụng để sửa đổi BCTC năm 2014. Theo ý kiến của chúng tôi, những điều chỉnh này là hợp lý và đã được áp dụng thích hợp. Ngoài việc kiểm tra những điều chỉnh này, chúng tôi không thực hiện kiểm toán, soát xét hay áp dụng bất kỳ thủ tục kiểm toán nào đối với BCTC năm 2014 của Công ty và theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến hay một hình thức đảm bảo nào khác về báo cáo tài chính năm 2014 xét trên phương diện tổng thể.

2.5 Chi tiết về tình hình công nợ phải thu & phải trả và những tồn tại về công tác tài chính và kế toán sau thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp

Trên cơ sở ý kiến kiểm toán BCTC các năm từ 2009-2015, tình hình công nợ BVMC phải thu, phải trả như sau:

2.5.1 Về khoản nợ thuế và tiền thuê đất:

Theo Thông báo số 17/TB-07-CT ngày 27/4/2016 của Cục thuế tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, tổng số tiền nợ thuế, tiền phạt và tiền chậm nộp đến ngày 31/03/2016 là: 58.266.127.358 đồng. Trong đó: Số tiền quá hạn nộp phải thực hiện cưỡng chế nợ thuế là: 49.498.388.764 đồng

Ngoài nợ thuế đã hạch toán tại BCTC đã kiểm toán, Công ty có khả năng bị truy thu các khoản thuế như sau:

- Truy thu theo Biên bản quyết toán thuế 2009-2014 của Cục Thuế tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu với số tiền là 6,435 tỷ đồng (Trong đó: Truy thu thuế: 5,351 tỷ đồng; Tiền phạt: 1,083 tỷ đồng).

- Truy thu tiền thuê đất từ năm 2006 đến ngày 29/02/2016 đối với mỏ đá XD Long Hương và Mỏ đá Puzolan Núi Đất theo Thông báo số 1446/TB-CCT ngày 14/3/2016 của Chi cục Thuế thành phố Bà Rịa với số tiền **27,21 tỷ đồng**.

Trong đó: - Số tiền thuê đất còn nợ: 21,037 tỷ

- Số tiền chậm nộp: 6,17 tỷ

Tổng cộng các khoản nợ ngân sách nhà nước lên đến gần 100 tỷ đồng mà BVMC phải nộp là một gánh nặng rất lớn, càng làm cho tình hình tài chính của Công ty rơi vào tình trạng bế tắc, khó có khả năng duy trì được hoạt động SXKD.

Ngày 29/12/2015, Cục thuế tỉnh BR-VT đã ban hành Quyết định số: 9613/QĐ-CT về việc áp dụng cưỡng chế thuế đối với BVMC bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng.

Ngày 29/12/2015, SCIC đã có văn bản số: 3315/ĐTKDV-CNPN gửi Tổng cục thuế đề nghị hỗ trợ và tạo điều kiện chưa thực hiện cưỡng chế thuế trong thời gian BVMC đang thực hiện cổ phần hóa.

Ngày 03/2/2016, Tổng cục thuế đã có văn bản số: 547/TCT-QLN đề nghị Cục thuế BR-VT tạm thời chưa cưỡng chế nợ thuế đối với BVMC đến khi hoàn thành cổ phần hóa (dự kiến hoàn thành công tác cổ phần hóa BVMC trong Quý 1/2016 theo báo cáo của SCIC).

Trong thời gian hoàn tất công tác cổ phần hóa, nếu BVMC không có nguồn tài trợ phù hợp nào hoặc không có văn bản cam kết về trả nợ thuế thì sau ngày 31/3/2016, Cục thuế tỉnh BR-VT sẽ tiếp tục phong tỏa bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng theo Quyết định số: 9613/QĐ-CT ngày 29/12/2015, thời hiệu áp dụng trong vòng 01 năm kể từ ngày 04/01/2016.

Do vậy, việc sớm hoàn công tác cổ phần hóa để bàn giao cho nhà đầu tư chiến lược thực hiện việc cam kết thanh toán các khoản nợ thuế, các nghĩa tài chính khác với nhà nước; kế thừa quyền và nghĩa vụ của Công ty phát sinh trước thời điểm cổ phần hóa bao gồm nghĩa vụ với nhà nước, đối tác và người lao động tại Công ty **là giải pháp tốt nhất để tiếp tục duy trì hoạt động SXKD của Công ty trong giai đoạn hiện nay và trong thời gian tới.**

2.5.2 Về khoản nợ ngân hàng

Tính đến ngày 15/3/2016, số tiền còn nợ trung và ngắn hạn khoảng 6,5 tỷ. Kể từ đầu năm 2016 cho đến nay, Ngân hàng BIDV chi nhánh Nam Sài Gòn không cho vay mà tập trung thu hồi các khoản vay đến hạn; do vậy Công ty không có vốn lưu động để hoạt động SXKD.

2.5.3 Nợ phải thu khách hàng:

- **Khoản phải thu khách hàng:** 12.835.057.090 đồng được tính vào GTDN khi cổ phần hóa, trong đó số không được xác nhận là 5.536.057.956 đồng (tỷ lệ 43,07%).
- **Trả trước cho người bán:** 1.068.291.719 đồng được tính vào GTDN khi cổ phần hóa, trong đó số tiền trả trước chưa xác nhận 844.541.719 đồng, tỷ lệ 79,06%.
- **Các khoản phải thu khác:** 13.235.175.343 đồng không có xác nhận, bao gồm:

Đơn vị tính: đồng

TT	Các khoản phải thu khác	Số tiền
I	Các khoản được ghi nhận vào GTDN khi cổ phần hóa	
1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi chi vượt nguồn	5.187.229.444

2	Phải thu của nhân viên do chi vượt quỹ lương được phê duyệt	5.462.671.924
3	Chi phí đầu tư ban đầu của dự án mỏ đá Đặng Bường tỉnh Hòa Bình	413.636.364
4	Ông Mai Quý Trung	58.087.326
5	Ông Võ Minh Đạt	110.928.042
6	Các khoản phải thu khác	243.180.843
II	Khoản được loại khỏi GTDN khi CPH	
1	Chi phí làm đường vào mỏ Long Hương	1.759.441.400
	Tổng cộng các khoản phải thu khác	13.235.175.343

- **Tam ứng nội bộ:** 1.568.061.195 đồng chưa thu hồi được được tính vào GTDN khi cổ phần hóa.
- **Phải trả người bán:** 12.368.887.513 đồng, trong đó số chưa xác nhận là 1.716.464.476 đồng tỷ lệ 13,88%, số Công ty thực trả trong năm 2015: 240.198.887 đồng. Tổng số tiền phải trả người bán được ghi giảm số phải trả và làm tăng GTDN khi cổ phần hóa là 1.476.265.589 đồng.
- **Người mua trả tiền trước:** 1.657.513.120 đồng, trong đó số nợ chưa xác nhận là 967.268.900 đồng, tỷ lệ 58,36%. Tổng số tiền người mua trả tiền trước được ghi giảm số phải trả và làm tăng GTDN khi cổ phần hóa là 967.268.900 đồng
- **Giá trị hàng tồn kho nhân giữ hộ** bị thiếu phát sinh từ năm 2010 đến năm 2012 với tổng giá trị 5.992.003.920 đồng đã được ghi nhận tài sản thiếu chờ xử lý tại BCTC đã kiểm toán năm 2014 và được tính vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa:

DVT: đồng

STT	Khách hàng	Số tiền
1	Công ty TNHH Đại Thành Đạt	323.334.500
2	Doanh nghiệp tư nhân Minh Ngọc	633.423.000
3	Công ty Cơ giới Giao thông - XN1	662.827.000
4	Công ty TNHH Đông Phong	3.518.803.000
5	Công ty TNHH Vũ Nam Sơn	753.138.920
6	Công ty TNHH Thanh Hùng	100.477.500
	Tổng cộng	5.992.003.920

3. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty

Trong quá trình hoạt động, Công ty cũng chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố khách quan và chủ quan do đó có tác động đến quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh. Cụ thể:

3.1 Thuận lợi

Được Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước tạo điều kiện thuận lợi để BVMC triển khai thực hiện: sắp xếp lại bộ máy tổ chức, duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, thu hẹp đầu tư để tập trung nguồn lực vào các lĩnh vực kinh doanh chính, giải quyết các tồn tại về tài chính, từng bước nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

BVMC vẫn duy trì được sự hợp tác của khách hàng và một số đối tác góp phần giúp BVMC duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh.

Các tổ chức đoàn thể của BVMC đã được chuyển về sinh hoạt tại địa phương, có mối liên hệ chặt chẽ hơn với địa phương nên mối quan hệ giữa BVMC với các cơ quan chức năng của địa phương đã được cải thiện đáng kể, BVMC đã được các Sở, ban ngành, các cơ quan Đảng, chính quyền, đoàn thể nơi BVMC trú đóng đã tạo mọi điều kiện tốt nhất để Công ty hoàn thành nhiệm vụ.

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thuộc tam giác kinh tế động lực phía nam có vị trí địa lý thuận lợi tiếp giáp với trung tâm phát triển kinh tế năng động nhất cả nước, có cả đường bộ, đường thủy, đường sông thuận tiện cho vận chuyển hàng hóa nói chung và đá xây dựng nói riêng với giá cả cạnh tranh. Đây lại là một trong những trung tâm sản xuất đá vật liệu xây dựng lớn nhất của miền Đông Nam Bộ và khu vực Phía Nam, sắp tới đây là nguồn cung chính cho thị trường thành phố Hồ Chí Minh khi mà các mỏ đá thuộc hai tỉnh Đồng Nai và Bình Dương đã cạn kiệt và đóng cửa. Công suất khai thác đá xây dựng hiện tại của Tỉnh vào khoảng 8,2 triệu m³/năm trong đó công suất các mỏ của BVMC gần 700 ngàn m³/năm chiếm 18,5%.

BVMC đang sở hữu 2 mỏ puzolan Núi Thơm và puzolan Núi Đất với chất lượng được đánh giá là tốt. Hiện nay puzolan của BVMC đang là nguồn cung chủ yếu cho các thương hiệu xi măng Cẩm Phả, xi măng Thăng Long, xi măng Holcim. Đối thủ cạnh tranh chính và trực tiếp là công ty cổ phần khoáng sản Minh Tiến, tuy nhiên chất lượng và trữ lượng không thể bằng đá tại các mỏ của BVMC. Hơn nữa các mỏ của đối thủ không thuận lợi về giao thông nên mức độ cạnh tranh là không cao.

3.2 Khó khăn

3.2.1 Về tổ chức bộ máy

Năm 2014 là một năm đánh dấu sự giảm sút nhân sự quyết liệt nhất thông qua việc tái cấu trúc bộ máy một cách toàn diện, cụ thể: giải thể tổ khoan nổ mìn, bảo vệ các kho Vật liệu nổ công nghiệp và chuyển cơ chế khoán ở một số bộ phận vận chuyển, cuộc đá tại mỏ Long Hương... Tổng số nhân sự cho nghỉ việc trong năm 2014 là: 34 người. Đây vừa là khó khăn và cũng là thuận lợi cho Công ty. Khó khăn là: Nhân sự nghỉ việc đa số là công nhân lành nghề, có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực khai thác và đã gắn bó lâu dài, có tâm huyết với công ty. Khi giải quyết cho nghỉ việc thì đồng thời công ty phải chi trả một khoản chi phí lớn khoản trợ cấp thất nghiệp, hỗ trợ mất việc làm cho người lao động. Bên cạnh đó cũng thấy được thuận lợi từ công tác quản lý tinh gọn, có hiệu quả hơn khi thuê các công ty bên ngoài thực hiện các dịch vụ trong ngành khai thác.

3.2.2 Về công tác sản xuất

Thiết bị cũ, hư hỏng liên tục, hoạt động kém hiệu quả, năng suất thấp; dẫn đến chất lượng sản phẩm không đáp ứng được yêu cầu thị hiếu của khách hàng.

Một số Đơn vị trực thuộc hoạt động sản xuất cầm chừng, năng suất thấp, cụ thể:

- Tại mỏ Long Hương: từ đầu năm 2014 đến tháng 9/2014, tuyến đường vận chuyển ngoài mỏ nối liền Quốc lộ 51 vào mỏ liên tục bị người dân địa phương ngăn chặn làm ảnh hưởng rất lớn đến việc tiêu thụ sản phẩm. Trong năm 2014, Công ty cũng đã ký hợp đồng cung cấp sản phẩm cho Công trình Nhà máy nhiệt điện Duyên Hải Trà Vinh. Tuy nhiên, khối lượng cung cấp hàng tháng không đáp ứng đủ nhu cầu của khách hàng, chỉ đạt khoảng 30 – 40% theo đơn hàng. Hiện nay đường vào mỏ Long Hương đã được xây dựng hoàn thành nhưng công việc sản xuất vẫn tiếp tục khó khăn do hầu hết thiết bị cũ, hư hỏng liên tục. Đặc biệt dây chuyền nghiền số 2 đầu tư không đồng bộ, năng suất thấp, tiếp tục hư hỏng, Công ty không có nguồn kinh phí để sửa chữa. Mặt

khác không thỏa thuận được giá thuê đất với bà Nam, nên dây chuyền máy nghiền 2 này buộc phải ngưng hoạt động từ cuối năm 2015.

- Tại mỏ Puzolan Núi Thơm - Long Tân: Sản lượng tiêu thụ thấp, nguyên nhân chủ yếu là do từ 1/4/2014 Bộ Giao thông vận tải quản lý chặt về trọng tải xe dẫn đến việc các đơn vị tăng giá vận chuyển nên Công ty phải điều chỉnh đơn giá bán với các Nhà máy Xi măng dẫn đến một số Công ty Xi măng ngưng nhận hàng để đàm phán đơn giá như: Holcim, Chi nhánh Cẩm Phả, Thăng Long, Fico... Đặc biệt, về mùa mưa chất lượng sản phẩm không đáp ứng được yêu cầu về độ ẩm theo yêu cầu của khách hàng. Mỏ phải tạm ngưng nổ mìn trên 02 tháng do phải tập trung giải quyết khiếu nại của các hộ dân đang sinh sống xung quanh khu vực mỏ Núi Thơm về bán kính an toàn trong công tác khai thác mỏ và tại khai trường III phải ngưng nổ mìn từ đầu năm. Đây là khai trường có chất lượng tốt nhất.
- Tại mỏ Châu Pha, Lô IIA: một số đối tác như Lương Cơ, Lợi Nguyên (nợ tồn đọng gần 10 tỷ đồng) chưa thanh toán công nợ cũ nên Công ty chủ động không khoan nổ mìn bán đá nguyên liệu cho 02 đơn vị này. Chỉ cung cấp cho 02 đơn vị đã thanh toán công nợ như Công ty Hoàng Minh Thông (nay là Công ty Trường Minh) và Công ty Hoàng Hà nhưng sản lượng cũng chỉ đạt 10 – 15% theo công suất khai thác/năm. Chính vì vậy, doanh thu tại khu vực này không cao.

3.2.3 Về tình hình kinh doanh

Giá bán sản phẩm: tại mỏ Long Hương đều bán với mức giá cao hơn so với giá bán của các Đơn vị hoạt động trong khu vực do có lợi thế về vị trí giao thông. Tuy nhiên, đối với các đơn hàng có khối lượng lớn Công ty vẫn áp dụng đơn giá đàm phán thống nhất với khách hàng nên mức tiêu thụ vẫn ổn định.

Chất lượng sản phẩm: Lượng đá thành phẩm tồn kho không đạt chuẩn về qui cách và chất lượng so với các đơn vị cạnh tranh nên tiêu thụ chậm.

Công ty chưa áp dụng phương thức bán hàng và phương thức thanh toán linh hoạt như: chính sách hậu mãi cho khách hàng về giá, tỷ lệ hao hụt trong khâu vận chuyển cho khách hàng và đặc biệt là chế độ thanh toán chưa phù hợp với tình hình chung hiện nay (vì tài chính khó khăn nên Công ty áp dụng thu tiền trước 100% theo đơn hàng hoặc hợp đồng rồi trả hàng gói đầu).

Hàng loạt các dự án đầu tư của Nhà nước trên địa bàn và khu vực đang tiếp tục bị đình trệ, dẫn đến thị trường VLXD nói chung trong đó có Đá VLXD nói riêng bị thu hẹp đáng kể, trực tiếp ảnh hưởng đến tình hình tiêu thụ sản phẩm tại hầu hết các mỏ đá của Công ty. Đây là một trong những khó khăn lớn nhất ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động của Công ty trong thời gian qua.

3.2.4 Về tình hình tài chính

Mất cân đối nghiêm trọng thu chi tài chính: công nợ phải thu lớn khó có khả năng thu hồi; các khoản phải trả không có nguồn để trả, trong đó là các khoản nợ lương, tiền ăn ca, các chế độ khác đối với người lao động như bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội kéo dài từ nhiều năm chưa chi trả làm cho đời sống người lao động hết sức khó khăn, nợ thuế hơn 56,58 tỷ đồng. Thêm vào đó là các khoản phát sinh đền bù do ảnh hưởng từ việc nổ mìn tới tài sản (nhà cửa) của các hộ dân sống xung quanh mỏ đá Puzolan Núi Thơm (hơn 100 triệu đồng) và khoản đóng góp làm đường dân sinh trên địa bàn mỏ đá xây dựng Long Hương theo quyết định của UBND thành phố Bà Rịa (hơn 2 tỷ đồng); Việc hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh không đúng chế độ tài chính làm cho số liệu trên báo cáo tài chính thiếu độ tin cậy không phản ánh đúng thực trạng tài chính Công ty. Chính vì vậy, trong năm 2014,

Công ty đã tiến hành kiểm toán lại toàn bộ BCTC từ năm 2009-2013 và 03 dự án (Cảng Bà Rịa 1, Nhà máy Sản xuất Gạch không nung và Nghiền sàng đá dăm và cát nhân tạo), qua đó phát hiện nhiều sai sót khi hạch toán BCTC cũng như giá trị các dự án qua các năm và đã điều chỉnh theo yêu cầu của kiểm toán.

Đối với công tác quản lý và khai thác mỏ

Thiếu nguồn tài chính đầu tư cơ sở hạ tầng cho việc khai thác mỏ và khoan thăm dò nâng cấp trữ lượng khai thác, thiếu nguồn cho việc thực hiện đền bù đất đai, hoa màu cho người dân, mở rộng hành lang an toàn trong việc khoan nổ mìn ... nên từ đó việc khai thác mỏ gặp nhiều khó khăn, đình trệ và bị động ảnh hưởng đến quá trình SXKD của Công ty.

Mỏ đá XD Lô IIA: Trong quá trình thực hiện các thủ tục xin gia hạn Giấy phép khai thác, BVMC đã gặp phải một số khó khăn cụ thể:

- Về hồ sơ pháp lý: Mỏ Lô IIA được cấp từ năm 1996, nên một số nội dung trong Dự án đầu tư, Báo cáo ĐTM không còn phù hợp với Luật Khoáng sản 2010 và Luật bảo vệ môi trường hiện hành. Nên phải thực hiện thủ tục xin cấp giấy phép mới.
- Về tài chính: phải nộp tiền cấp quyền khai thác năm 2015 là: **2,1 tỷ đồng** và Thuế tài nguyên còn nợ trước năm 2014 là: **1,5 tỷ đồng**.

Mỏ Núi Thơm: Tính đến thời điểm báo cáo, Công ty đã khai thác hết khối trữ lượng (*cấp trữ lượng 122*) là: **1.4 triệu tấn**. Để được tiếp tục khai thác hết trữ lượng theo Giấy phép (**6 triệu tấn**), Công ty phải tiến hành nâng cấp trữ lượng (*từ cấp tài nguyên 222 và 333 lên cấp trữ lượng 122*). Trong trường hợp Công ty không thực hiện, mỏ sẽ phải dừng khai thác theo đúng qui định của Luật khoáng sản. Dự kiến chi phí nâng cấp trữ lượng khoảng **4,0 tỷ đồng**.

Các mỏ còn lại: Phải tiến hành xây dựng lại Phương án ký quỹ CT, PHMT theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2014. Dự kiến chi phí cho mỗi mỏ là: **300 triệu đồng/mỏ**.

4. Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh của BVMC trước khi cổ phần hóa

Từ những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của BVMC như: khủng hoảng kinh tế toàn cầu, hàng loạt các dự án đầu tư của nhà nước trên địa bàn và khu vực đang tiếp tục bị đình trệ, dẫn đến thị trường VLXD nói chung trong đó có Đá VLXD nói riêng bị thu hẹp đáng kể, trực tiếp ảnh hưởng đến tình hình tiêu thụ sản phẩm tại hầu hết các mỏ đá của BVMC... dẫn đến BVMC hoạt động sản xuất kinh doanh những năm gần đây không hiệu quả, năng suất thấp, bị mất cân đối nghiêm trọng thu chi tài chính, giảm nhân sự quyết liệt nhất thông qua việc tái cấu trúc bộ máy một cách toàn diện.

III. THỰC TRẠNG CỦA DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP

1. Thực trạng về tài sản cố định

Tình hình tài sản cố định của Công ty theo số liệu sổ sách Kế toán tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (31/12/2014) thể hiện tóm tắt ở bảng sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	Tài sản	Nguyên giá cuối kỳ (31/12/2014)	Khấu hao lũy kế (31/12/2014)	Giá trị còn lại cuối kỳ (31/12/2014)
I	Tài sản cố định hữu hình	49.257.225.308	27.042.414.026	22.214.811.282
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	15.401.534.057	7.730.252.204	7.671.281.853
1.1	Tài sản cần dùng	14.669.147.329	7.036.389.192	7.632.758.137
1.2	Tài sản không cần dùng, tài sản chờ thanh lý	732.386.728	693.863.012	38.523.716
2	Phương tiện vận tải, thiết bị chuyên dẫn	2.516.296.081	1.469.745.065	1.046.551.016
2.1	Tài sản cần dùng	2.362.196.557	1.315.645.541	1.046.551.016
2.2	Tài sản không cần dùng, tài sản chờ thanh lý	154.099.524	154.099.524	0
3	Máy móc thiết bị	31.023.589.715	17.557.576.662	13.466.013.053
3.1	Tài sản cần dùng	29.227.566.768	15.971.028.006	13.256.538.762
3.2	Tài sản không cần dùng, tài sản chờ thanh lý	1.796.022.947	1.586.548.656	209.474.291
4	Thiết bị quản lý	39.680.000	39.680.000	0
4.1	Tài sản cần dùng			
4.2	Tài sản không cần dùng, tài sản chờ thanh lý	39.680.000	39.680.000	39.680.000
5	Tài sản cố định khác	276.125.455	245.160.095	30.965.360
5.1	Tài sản cần dùng	276.125.455	245.160.095	30.965.360
5.2	Tài sản không cần dùng, tài sản chờ thanh lý			
II	Tài sản cố định vô hình	12.736.422.000	7.721.291.329	5.015.130.671
III	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	27.302.301.580

Toàn bộ tài sản cố định hữu hình của BVMC là tài sản cũ, được xây dựng và mua sắm đã lâu, nhiều tài sản đã hết khấu hao.

2. Thực trạng về tài chính và công nợ

Thực trạng về tài chính, công nợ của Công ty theo số liệu sổ sách kế toán tại thời điểm 31/12/2014 như sau:

Đơn vị tính: đồng

Vốn chủ sở hữu	Thời điểm 31/12/2014
Trong đó:	
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	50.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	
Các quỹ của doanh nghiệp	
Quỹ đầu tư phát triển	7.758.816
Quỹ dự phòng tài chính	
Các khoản phải thu	
Phải thu ngắn hạn	14.806.196.458
Phải thu dài hạn	
Nợ phải trả	
Nợ ngắn hạn	102.076.954.281
Nợ dài hạn	4.269.220.916

Trong đó:

- **Phải thu ngắn hạn số liệu theo sổ sách kế toán:** 14.806.196.458 đồng, đã có xác nhận được công nợ: 7.093.249.134 đồng, chiếm tỷ lệ 50,93%.
- **Nợ ngắn hạn số liệu theo sổ sách kế toán:** 102.076.954.281 đồng, đã có xác nhận công nợ: 34.499.451.733 đồng, chiếm tỷ lệ 33,80%.
- **Nợ dài hạn số liệu theo sổ sách kế toán:** 4.269.220.916 đồng, đã có xác nhận công nợ 4.269.220.916 đồng, chiếm tỷ lệ 100%.

3. Tình hình các khu đất BVMC đang sử dụng

Tính đến hết ngày 31/12/2014, thì tổng diện tích BVMC đang sử dụng là 1.588.676,9 m². Trong đó: Diện tích đất làm trụ sở 5.444,4 m², Diện tích để sản xuất kinh doanh 168.666,6 m², sử dụng khác: 1.321.971,4 m², Diện tích bị thu hồi 92.594,5 m² (hồ chứa nước).

Chi tiết một số vị trí đất thuộc quyền quản lý và sử dụng của Công ty như sau:

TT	Vị trí, mục đích sử dụng	Diện tích đất	Hồ sơ pháp lý
1	Mỏ đá xây dựng Long Hương – P. Kim Dinh – Tp. Bà Rịa – Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, hiện đang khai thác và chế biến đá xây dựng	230.068,9 m ²	<p>Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định thuê đất số: 1091/QĐ-TTg ngày 21/8/2001. - Quyết định điều chỉnh số: 3569/QĐ-UBND ngày 13/10/2006. - Hợp đồng thuê đất số: 26/HĐTĐ ngày 01/12/2006. - Biên bản bàn giao mốc ranh giới ngày 20/02/2008. - Diện tích đất nằm trong quy hoạch khai thác khoáng sản (Đền bù giai đoạn 2 thuộc Dự án khai thác mỏ đá XD Long Hương - chưa được Nhà nước cho thuê đất),

TT	Vị trí, mục đích sử dụng	Diện tích đất	Hồ sơ pháp lý
			bao gồm: 1. Vũ Thị Mơ: Diện tích: 1.613,90 m ² 2. Lê Thị Thiện Diện tích: 3.868,10 m ² 3. Đặng Thị Tiến Diện tích: 6.981,70 m ² Tổng cộng 03 hộ: 12.463,70 m²
2	Mỏ đá xây dựng Lô II A – Xã Châu Pha – H. Tân Thành – Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, hiện đang khai thác chế biến đá xây dựng	115.503 m ²	Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm. - Quyết định thuê đất số: 3361/QĐ-UBND ngày 20/09/2005 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. - Quyết định thuê đất số: 1064/QĐ-UBND ngày 16/04/2009. - Hợp đồng thuê đất số: 39/HĐTĐ ngày 12/10/2005. - Hợp đồng thuê đất số: 26/HĐTĐ ngày 14/05/2009. - Biên bản bàn giao mốc ranh giới ngày 20/02/2008.
3	Mỏ đá xây dựng Châu Pha – Xã Châu Pha – H. Tân Thành – Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, hiện đang khai thác đá.	400.241 m ²	Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm. - Quyết định thuê đất số: 3360/QĐ-UBND ngày 20/09/2005 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. - Hợp đồng thuê đất số: 38/HĐTĐ ngày 12/10/2005. - Biên bản bàn giao mốc ranh giới ngày 20/02/2008.
4	Mỏ đá Puzolan Núi Thơm – Xã Long Tân– H. Đất Đỏ – Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, đang khai thác đá puzolan.	341.621,2 m ²	Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm. - Quyết định thuê đất số: 2692/QĐ-UBND ngày 03/08/2005 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. - Quyết định thuê đất số: 1588/QĐ-UBND ngày 22/05/2009 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. - Hợp đồng thuê đất số: 31/HĐTĐ ngày 08/08/2005. - Hợp đồng thuê đất số: 28/HĐTĐ ngày 10/06/2009. - Biên bản bàn giao mốc ranh giới ngày 20/02/2008.
5	Mỏ đá Puzolan Núi Đất – Xã Long Phước – Tp. Bà Rịa – Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, đang khai thác đá puzolan.	395.900,4 m ²	Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm. - Quyết định thuê đất số: 3871/QĐ-UBND ngày 14/10/2005 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. - Hợp đồng thuê đất số: 18/HĐTĐ ngày 18/08/2006.
6	Văn phòng Châu Pha – Xã Châu Pha – H. Tân Thành – Tỉnh Bà Rịa	2.000 m ²	Nguồn gốc sử dụng đất: Mua của hộ dân nhưng chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. - Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày

TT	Vị trí, mục đích sử dụng	Diện tích đất	Hồ sơ pháp lý
	Vũng Tàu, đang sử dụng làm văn phòng đội kỹ thuật.		<p>27 tháng 03 năm 1997.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biên bản xác minh nguồn gốc đất ngày 26 tháng 03 năm 1997.
7	Sân công nghiệp mỏ đá Long Hương – P. Kim Dinh – Tp. Bà Rịa – Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, đang sử dụng làm văn phòng.	35.796,8 m ²	<p>Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hằng năm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định giao đất số: 1009/QĐ-UBT ngày 10/07/1993 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (kèm theo bảng tổng hợp đền bù sử dụng đất đai mỏ đá Long Hương). - Văn bản số: 7564/UBND-VP ngày 21/12/2011. - Văn bản số: 207/SXD-KTQH ngày 21/02/2011. - Văn bản số: 34/KSV-KTVT ngày 21/01/20011. - Văn bản số: 92/KSV-TLGD ngày 22/03/2011. - Phiếu thanh toán đền bù cho 06 hộ dân. - Bản đồ hiện trạng khu đất.
8	Cảng Bà Rịa 1 – P. Phước Trung – Tp. Bà Rịa – Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, đang đầu tư xây dựng cảng nội địa.	63.775,4 m ²	<p>Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hằng năm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định thuê đất số: 142/QĐ-UBND ngày 15/01/2007 của UBND tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu về việc thu hồi 63.775,4 m² đất tại phường Phước Trung để để đầu tư xây dựng Cảng Bà Rịa 1 và đường vào cảng. - Hợp đồng thuê đất ngày 18/08/2006. - Công văn số 4424/UBND-XD về việc thỏa thuận địa điểm lập quy hoạch chi tiết ĐTXD cảng Bà Rịa 1. - Tờ trình số: 73/TTr-STNMT ngày 10/01/2007. - Quyết định phê duyệt DADT số: 159/KSV-ĐTKD ngày 28/09/2006. - Kết quả thẩm định thiết kế cơ sở số: 471/TĐ-SGT ngày 05/05/2006. - Quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thu hồi đất số: 4006/QĐ-UBND ngày 19/09/2009.
9	47 Rạch Gầm Xoài Mút – P. Kim Dinh – Tp. Bà Rịa – Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, đang sử dụng làm văn phòng.	254,8 m ²	<ul style="list-style-type: none"> - Nguồn gốc sử dụng đất: Mua của hộ dân nhưng chưa có giấy nhận quyền sử dụng đất. - Biên bản thỏa thuận ngày 24/01/1997 về việc chuyển nhượng sử dụng đất.
10	Kho VLN Long Hương – P. Kim Dinh – Tp. Bà Rịa – Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, đang sử dụng làm kho	3.515,4 m ²	<p>Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hằng năm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biên bản thỏa thuận ngày 11/07/1997 về việc chuyển quyền sử dụng đất.

TT	Vị trí, mục đích sử dụng	Diện tích đất	Hồ sơ pháp lý
	chứa VLNCN.		

Ý kiến và phê duyệt phương án sử dụng đất của cơ quan chức năng:

Căn cứ Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 và Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần, BVMC đã có Công văn số 393/BVMC-CPH ngày 15/5/2015 và Công văn số 513/BVMC-CPH ngày 29/7/2015 gửi UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đề nghị xem xét, thẩm định và phê duyệt phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa Công ty.

Ngày 28/10/2015, Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước đã có Công văn số 2814/ĐTKDV-CNPN báo cáo về việc cổ phần hóa Công ty và đề nghị UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu phê duyệt phương án sử dụng đất để SCIC có cơ sở phê duyệt phương án cổ phần hóa theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP.

Phương án xử lý, sắp xếp lại các cơ sở nhà, đất tại Công ty đã được Bộ Tài Chính phê duyệt tại Công văn số 3713/BTC-QLCS ngày 21/3/2016 về việc phê duyệt phương án xử lý, sắp xếp lại đối với các cơ sở nhà, đất của SCIC trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và được UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu phê duyệt tại Công văn số 404/UBND-VP ngày 20/01/2016 về phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất của BVMC, theo đó:

- Giữ lại tiếp tục quản lý, sử dụng 10 cơ sở nhà, đất theo quy hoạch của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, để bố trí văn phòng làm việc, phục vụ hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản của Công ty, với tổng diện tích nhà 5.444,4 m², diện tích đất 1.496.082,4 m², cụ thể:

TT	Địa chỉ nhà, đất	Số cơ sở nhà, đất	Tiếp tục quản lý, sử dụng	
			Nhà (m ²)	Đất (m ²)
1	Phường Kim Dinh, Tp. Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, bao gồm:	4	2.973,8	177,041,4
	- Khai trường khai thác mỏ	1	0	137.474,4
	- Sân công nghiệp	1	2.847,6	35.796,8
	- Khu vật liệu nổ Công nghiệp	1	0	3.515,4
	- Văn phòng Đội kỹ thuật	1	126,2	254,8
2	Mỏ đá xây dựng lô IIA, xã Châu Pha, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	1	411,6	115.503
3	Mỏ đá xây dựng Châu Pha, xã Châu Pha, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, bao gồm:	2	464,8	402.241
	- Khai trường khai thác mỏ	1	0	400.241
	- Văn phòng Đội khai thác	1	464.8	2.000

4	Mỏ đá Puzolan Núi Thơm, xã Long Tân, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, bao gồm 2 khu:	1	1.308	341.621,2
	- Khai trường khai thác mỏ (Khu 1)		0	308.380
	- Sân công nghiệp (Khu 2)		1.308	33.241,2
5	Mỏ đá Puzolan Núi Đất, xã Long Phước, Tp. Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	1	286,2	395.900,4
6	Công trình Cảng Bà Rịa 1 và đường vào Cảng, P. Phước Hưng, Tp. Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	1	0	63.775,4
	Tổng cộng	10	5.444,4	1.496.082,4

- Bàn giao diện tích đất 92.594,5 m² (là một phần diện tích đất khu mỏ đá Long Hương) tại phường Kim Dinh, thành phố Bà Rịa cho UBND thành phố Bà Rịa quản lý theo Quyết định thu hồi số 1004/QĐ-UBND ngày 18/5/2015 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Về phương án sử dụng đất

Công ty đã có các Công văn: số 513/BVMC-CPH ngày 29/7/2015 gửi UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đề nghị xem xét, thẩm định và phê duyệt phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa Công ty; số 743/BVMC-TCKT ngày 26/11/2015 đề xuất phương án sắp xếp lại nhà, đất gắn với phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa Công ty.

SCIC đã có các Công văn: số 2814/ĐTKDV-CNPN ngày 28/10/2015 báo cáo về việc cổ phần hóa Công ty và đề nghị UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu phê duyệt phương án sử dụng đất để SCIC có cơ sở phê duyệt phương án cổ phần hóa theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP; số 3099/ĐTKDV-CNPN ngày 02/12/2015 của SCIC về phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất gắn với việc cổ phần hóa Công ty.

Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay, UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu chưa phê duyệt phương án sử dụng đất tại Công ty.

STT	Địa chỉ	Kiểm kê		Phương án sử dụng đất khi CPH	
		Đơn vị	Diện tích	PA sử dụng đất	Hình thức sử dụng đất
1	Mỏ đá xây dựng Long Hương – P. Kim Dinh – Tp. Bà Rịa – Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	m ²	137.474,4	Giữ lại tiếp tục sử dụng cơ sở đất để khai thác khoáng sản.	Thuê đất trả tiền hàng năm
2	Mỏ đá xây dựng Lô II A – Xã Châu Pha – H. Tân	m ²	115.503	Giữ lại tiếp tục sử dụng cơ sở nhà, đất để khai thác khoáng sản.	Thuê đất trả tiền hàng năm

STT	Địa chỉ	Kiểm kê		Phương án sử dụng đất khi CPH	
		Đơn vị	Diện tích	PA sử dụng đất	Hình thức sử dụng đất
	Thành – Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu				
3	Mỏ đá xây dựng Châu Pha – Xã Châu Pha – H. Tân Thành – Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	m ²	400.241	Giữ lại tiếp tục sử dụng cơ sở nhà, đất để khai thác khoáng sản.	Thuê đất trả tiền hàng năm
4	Mỏ đá Puzolan Núi Thơm – Xã Long Tân– H. Đất Đỏ – Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	m ²	341.621,2	Giữ lại tiếp tục sử dụng cơ sở nhà, đất để khai thác khoáng sản.	Thuê đất trả tiền hàng năm
5	Mỏ đá Puzolan Núi Đất – Xã Long Phước – Tp. Bà Rịa – Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	m ²	395.900,4	Giữ lại tiếp tục sử dụng cơ sở nhà, đất để khai thác khoáng sản.	Thuê đất trả tiền hàng năm
6	Văn phòng Châu Pha – Xã Châu Pha – H. Tân Thành – Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	m ²	2.000	Giữ lại tiếp tục sử dụng cơ sở nhà, đất để khai thác khoáng sản.	Thuê đất trả tiền hàng năm
7	Sân công nghiệp mỏ đá Long Hương – P. Kim Dinh – Tp. Bà Rịa – Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	m ²	35.796,8	Giữ lại tiếp tục sử dụng cơ sở nhà, đất để khai thác khoáng sản.	Thuê đất trả tiền hàng năm
8	Cảng Bà Rịa 1 – P. Phước Trung – Tp. Bà Rịa – Tỉnh Bà	m ²	63. 775,4	Giữ nguyên hiện trạng chuyển sang công ty cổ phần để tiếp tục	Thuê đất trả tiền hàng năm

STT	Địa chỉ	Kiểm kê		Phương án sử dụng đất khi CPH	
		Đơn vị	Diện tích	PA sử dụng đất	Hình thức sử dụng đất
	Rịa Vũng Tàu			thực hiện đầu tư hoặc chấm dứt dự án.	
9	47 Rạch Gầm Xoài Mút – P. Kim Dinh – Tp. Bà Rịa – Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	m ²	254,8	Giữ lại tiếp tục sử dụng cơ sở nhà, đất để khai thác khoáng sản.	Thuê đất trả tiền hàng năm
10	Kho VLN Long Hương – P. Kim Dinh – Tp. Bà Rịa – Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	m ²	3.515,4	Giữ lại tiếp tục sử dụng cơ sở nhà, đất để khai thác khoáng sản.	Thuê đất trả tiền hàng năm

4. Thực trạng về lao động

Số lao động bình quân của các năm giai đoạn trước cổ phần hóa như sau:

Lao động	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
Số lao động bình quân	148	106	78	61

5. Cơ cấu lao động

Tại thời điểm ngày công bố giá trị doanh nghiệp, tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty là 61 người, trong đó cơ cấu như sau:

TT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I	Theo trình độ lao động	61	100%
1	Trình độ Đại học	25	41%
2	Trình độ Cao đẳng	2	3%
3	Trình độ Trung cấp	11	18%
4	Công nhân kỹ thuật	18	30%
5	Lao động phổ thông	5	8%
II	Theo thời hạn hợp đồng	61	100%
1	Viên chức quản lý	2	3%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	32	53%
3	Hợp đồng có xác định thời hạn	27	44%

1.1 Chế độ làm việc và chính sách lương, thưởng, trợ cấp cho người lao động:

- **Chế độ làm việc:** theo đúng quy định của Luật Lao động 8 giờ/ngày – 40 giờ/tuần, giờ làm thêm không quá 4 giờ/ngày, 200 giờ/năm.
- **Chế độ lương:** Chi trả theo quy chế của Công ty, thực hiện đầy đủ mức lương trả không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng.
- **Chế độ bảo hiểm:** Đảm bảo quyền lợi của người lao động, không nợ bảo hiểm.
- **Thưởng:** Đến tháng 9/2015 công ty chưa chi bất cứ khoản thưởng nào cho BGĐ cũng như nhân viên.

6. Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa

Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2014: **183.326.949.496** đồng

Trong đó:

- Nợ phải trả: **103.902.640.708** đồng
- Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp: **79.424.308.788** đồng

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Số liệu kế toán	Số liệu kế toán sau khi xử lý tài chính	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)
A. Tài sản đang dùng (I+II+III+IV)	112.780.922.517	120.145.503.825	183.326.949.496	63.181.445.672
I. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	78.119.915.382	78.362.209.382	141.266.816.326	62.904.606.943
1. Tài sản cố định	26.981.943.946	26.981.943.946	90.502.670.880	63.520.726.934
a. Tài sản cố định hữu hình	21.966.813.275	21.966.813.275	28.167.848.386	6.201.035.111
b. Tài sản cố định vô hình	5.015.130.671	5.015.130.671	62.334.822.494	57.319.691.823
2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	4.000.000.000	4.242.294.000	3.605.634.472	(636.659.528)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	27.302.301.580	27.302.301.580	27.302.301.580	-
4. Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn	-	-	-	-
5. Chi phí trả trước dài hạn	19.835.669.856	19.835.669.856	19.856.209.393	20.539.537
II. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	34.661.007.135	41.783.294.443	42.060.133.171	276.838.728
1. Tiền	764.467.828	764.467.828	764.467.828	-
+ Tiền mặt tồn quỹ	40.829.742	40.829.742	40.829.742	-
+ Tiền gửi ngân hàng	723.638.086	723.638.086	723.638.086	-
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-
3. Các khoản phải thu	18.509.426.982	25.397.082.752	25.397.082.752	-
4. Vật tư hàng hoá tồn kho	7.998.848.869	8.233.480.407	8.239.588.639	6.108.232
5. Tài sản lưu động khác	7.388.263.456	7.388.263.456	7.658.993.952	270.730.496
+ Tạm ứng	1.385.859.536	1.385.859.536	1.385.859.536	-
+ Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10.400.000	10.400.000	10.400.000	-
+ CCDC đã phân bổ 100% giá trị	-	-	270.730.496	270.730.496
+ Chi phí trả trước ngắn hạn	-	-	-	-
+ Tài sản thiếu chờ xử lý (hàng tồn kho)	5.992.003.920	5.992.003.920	5.992.003.920	-
6. Chi phí sự nghiệp	-	-	-	-
III. Giá trị lợi thế kinh doanh của DN	-	-	-	-
IV. Giá trị quyền sử dụng đất	-	-	-	-
B. Tài sản không cần dùng	1.759.441.400	1.759.441.400	1.759.441.400	-

Chỉ tiêu	Số liệu kế toán	Số liệu kế toán sau khi xử lý tài chính	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)
I. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	-	-	-	-
1. Tài sản cố định	-	-	-	-
Trong đó: TS đầu tư = Quỹ khen thưởng + quỹ phúc lợi				
2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	-
4. Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn	-	-	-	-
II. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	1.759.441.400	1.759.441.400	1.759.441.400	-
1. Công nợ không có khả năng thu hồi	1.759.441.400	1.759.441.400	1.759.441.400	-
2. Hàng hoá tồn kho ứ đọng kém, mất phẩm chất	-	-	-	-
C. Tài sản chờ thanh lý	247.998.007	247.998.007	247.998.007	-
I. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	247.998.007	247.998.007	247.998.007	-
II. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-
D. Tài sản hình thành từ quỹ PL, khen thưởng	-	-	-	-
Tổng giá trị tài sản của dn (A+ B+ C+ D)	114.788.361.924	122.152.943.232	185.334.388.903	63.181.445.671
Trong đó: tổng giá trị thực tế doanh nghiệp (Mục A)	112.780.922.517	120.145.503.825	183.326.949.496	63.181.445.671
E1. Nợ thực tế phải trả	106.346.175.197	106.346.175.197	103.902.640.708	(2.443.534.489)
Trong đó: Giá trị QSDĐ mới nhận giao phải nộp NSNN	-	-	-	-
E2. Nguồn kinh phí sự nghiệp	-	-	-	-
Tổng giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp {A- (E1+E2)}	6.434.747.320	13.799.328.628	79.424.308.788	65.624.980.160

(Nguồn: Báo cáo xác định giá trị doanh nghiệp)

7. Những vấn đề cần tiếp tục xử lý

Công ty cổ phần có trách nhiệm kế thừa toàn bộ quyền và nghĩa vụ của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên theo quy định tại điều 10 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

7.1 Quỹ tiền lương chi vượt mức được tính vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần

Theo số liệu của đoàn kiểm toán, từ năm 2009 đến năm 2014, quỹ lương của Công ty trích vào chi phí các năm đều vượt so với quỹ lương được duyệt cụ thể như sau:

Đơn vị tính: đồng

Năm	Chi phí lương trích vượt	Lũy kế qua các năm
2009	394.085.128	394.085.128
2010	3.382.605.776	3.776.690.904
2011	524.934.668	4.301.625.572
2012	674.097	4.302.299.669
2013	794.130.787	5.096.430.456
2014	366.241.468	5.462.671.924

(Nguồn: Số liệu BCTC 2009-2014 đã kiểm toán)

7.2 Quỹ khen thưởng phúc lợi chi vượt nguồn được tính vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần

Tính đến 31/12/2014, tổng số chi quỹ khen thưởng vượt nguồn là 5.187.229.444 đồng, cụ thể:

STT	Nội dung	Số tiền
1	Chi ủng hộ, tài trợ địa phương	353.682.266
2	Chi khen thưởng CBCNV Công ty	3.861.907.928
3	Chi phúc lợi khác	971.639.250
Tổng cộng		5.187.229.444

7.3 Về hàng gửi kho được tính vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần

Tính đến 31/12/2013, tổng giá trị hàng gửi kho và khoản phải thu người bán tương ứng với khối lượng hàng gửi kho đang ghi nhận trên sổ kế toán của công ty theo giá bán là: 5.992.003.920 đồng.

Tuy nhiên, tại thời điểm 31/12/2013, công ty có thực hiện kiểm kê hàng tồn kho nhưng khối lượng hàng gửi kho nêu trên thực tế không tồn tại trên kho. Đoàn kiểm toán cũng đã tiến hành gửi thư xác nhận với các khách hàng gửi kho nêu trên nhưng không nhận được phản hồi, ngoại trừ DNTN Minh Ngọc xác nhận không có hàng gửi kho. Đến năm 2014, Công ty đã điều chỉnh hồi tố số liệu làm giảm khoản phải thu và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tương ứng trên BCTC năm 2014.

Đơn vị tính: đồng

STT	Khách hàng	Số tiền
1	Công ty TNHH Đại Thành Đạt	323.334.500
2	Doanh nghiệp tư nhân Minh Ngọc	633.423.000
3	Công ty Cơ giới Giao thông - XN1	662.827.000
4	Công ty TNHH Đông Phong	3.518.803.000
5	Công ty TNHH Vũ Nam Sơn	753.138.920
6	Công ty TNHH Thanh Hùng	100.477.500
Tổng cộng		5.992.003.920

7.4 Tài sản chờ thanh lý, tài sản thiếu (do phá dỡ, hư hỏng)

TT	Tên tài sản	Số lượng	Năm sử dụng	Giá trị sổ sách		
				Nguyên giá	Đã khấu hao	Giá trị còn lại
<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>
A	TSCĐ chờ thanh lý không tính vào GTDN khi CPH			1.949.619.871	1.741.819.832	207.800.039
I	Máy móc thiết bị			1.755.840.347	1.548.040.308	207.800.039 (*)
1	Máy đào solar 280CL-100 6004- Long Hương	1	01/05/2009	576.666.667	466.801.056	109.865.611
2	Máy đào Daewoo solar 280 - 5517 - Long Hương	1	01/05/2009	559.047.619	532.426.320	26.621.299
3	Máy ép gạch	1	01/01/2013	197.272.727	131.515.152	65.757.575
4	Máy đập thủy lực DWB 3700	1	01/11/2007	321.320.000	321.320.000	0
5	bổ sung phục hồi hệ thống di chuyển xe cuốn	1	01/01/2008	68.200.000	68.200.000	0
6	Bơm tăng lực	1	01/01/2010	33.333.334	27.777.780	5.555.554
II	Phương tiện vận tải			154.099.524	154.099.524	0
1	Xe ô tô tải Vinaxuki 72N7827 - Long Hương	1	01/12/2008	154.099.524	154.099.524	0
III	TBDCQL			39.680.000	39.680.000	0
1	Máy photo ricor	1	01/03/2008	39.680.000	39.680.000	0
B	TSCĐ thiếu (do phá dỡ hư hỏng) được loại trừ khỏi GTDN khi CPH			772.569.328	732.371.360	40.197.968
I	Nhà cửa,vật kiến trúc			732.386.728	693.863.012	38.523.716
1	Móng TB sân phơi HT cấp thoát nước, bể lắng		01/01/2002	106.021.106	106.021.106	0
2	Nhà điều hành sản xuất núi thom		01/01/2002	137.834.846	137.834.846	0
3	Nhà xưởng làm VLXD - LH		01/12/009	51.000.047	25.925.000	25.075.047
4	Nhà tiền chế - LH		01/04/2006	119.559.175	119.559.175	0
5	Hàng rào sân công nghiệp mỏ long hương		01/04/2006	30.179.023	30.179.023	0
6	Kho VLN - LH2011		01/03/2011	37.242.445	23.793.776	13.448.669

TT	Tên tài sản	Số lượng	Năm sử dụng	Giá trị sổ sách		
				Nguyên giá	Đã khấu hao	Giá trị còn lại
7	Nâng cấp sửa chữa tuyến đường Núi Dinh - LH		01/03/2009	134.622.569	134.622.569	0
8	Kho vật liệu nổ Long Hương		01/01/1997	85.093.623	85.093.623	0
9	Bệ máy nghiền - LH		01/03/2011	30.833.894	30.833.894	0
II	Máy móc thiết bị			40.182.600	38.508.348	1.674.252
1	Máy bơm nước số 02 - LH		01/04/2009	40.182.600	38.508.348	1.674.252
	Tổng cộng			2.722.189.199	2.474.191.192	247.998.007

(*) Tài sản không cần dùng, chờ thanh lý: 207.800.039 đồng. Ban chỉ đạo cổ phần hóa có trách nhiệm chỉ đạo Công ty tiếp tục theo dõi, bảo quản, tổ chức thanh lý và nộp tiền về cho nhà nước theo quy định. Đối với tài sản không thanh lý được, Công ty có trách nhiệm bàn giao về Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước. Trong khi chưa bàn giao, Công ty có trách nhiệm tiếp tục bảo quản để không xảy ra thất thoát tài sản của nhà nước

Bàn giao lại các tài sản sau cho cơ quan nhà đất của địa phương để quản lý:

Ngày 19/05/2015 UBND Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có Quyết định số 1004/QĐ-UBND về việc thu hồi 92.594,5 m² đất thuê trả tiền hàng năm tại phường Kim Dinh, thành phố Bà Rịa (là một trong hai lô đất trước đây Thủ tướng Chính phủ và UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã cho Công ty TNHH MTV Đầu Tư và Kinh Doanh khoáng sản Vinaconex (nay là BVMC) thuê tại Quyết định số 1091/QĐ-TTg ngày 21/08/2001 và Quyết định số 3569/QĐ-UBND ngày 13/10/2006.

Bàn giao các tài sản sau cho tổ chức công đoàn của Công ty cổ phần quản lý, sử dụng:
Không.

7.5 Khoản tiền còn phải nộp làm đường vào mỏ Long Hương

Theo Biên bản cuộc họp phân chia tỷ lệ đóng góp các doanh nghiệp vào việc xây dựng đường vào mỏ Long Hương và Quyết định số 689/QĐ-UBND ngày 24/02/2014 của UBND Thành phố Bà Rịa, thì BMVC có trách nhiệm đóng góp số tiền là 2.036.274.000 đồng. Đến thời điểm 31/12/2015, BVMC đã nộp vào tài khoản Ban quản lý dự án số tiền là: 1.759.441.400 đồng, số tiền này đã được loại khỏi GTDN khi cổ phần hóa. Số tiền còn lại chưa nộp 276.832.600 đồng, không được loại khỏi GTDN khi cổ phần hóa, Công ty có nghĩa vụ nộp khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

PHẦN IV - PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH SAU CỔ PHẦN HÓA

1. Thông tin Công ty cổ phần

- Tên đầy đủ: **CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÀ RI - VŨNG TÀU**
- Tên giao dịch viết tắt: **BVM JSC**
- Tên giao dịch quốc tế: **Ba Ria – Vung Tau Mineral Joint Stock Company**



- Logo Công ty:

- Trụ sở chính: Tầng 1, số 102A, đường Lê Hồng Phong, phường 4, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

- Điện thoại: (064) 3747088 – 3747089 Fax: (064)3825814 – 3747105

2. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ

Căn cứ Quyết định số 187/ĐTKDV-CNPN ngày 4/5/2016 của SCIC, giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại BVMC tại thời điểm 31/12/2014 là: **79.424.308.788 đồng** (Bằng chữ: Bảy mươi chín tỷ, bốn trăm hai mươi bốn triệu, ba trăm linh tám ngàn, bảy trăm tám mươi tám đồng).

Trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh, năng lực quản lý sản xuất kinh doanh của bộ máy quản lý, khả năng tự chủ và mối quan hệ hợp tác với các đối tác. BVMC dự kiến vốn điều lệ của Công ty cổ phần là: 50.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng). Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 5.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/ cổ phần.

Căn cứ Công văn số 8281/VPCP-ĐMDN ngày 12/10/2015 của Văn phòng Chính phủ về việc đồng ý bán toàn bộ vốn Nhà nước hiện có tại BVMC.

Cơ cấu vốn điều lệ của Công ty Cổ phần bán lần đầu dự kiến như sau:

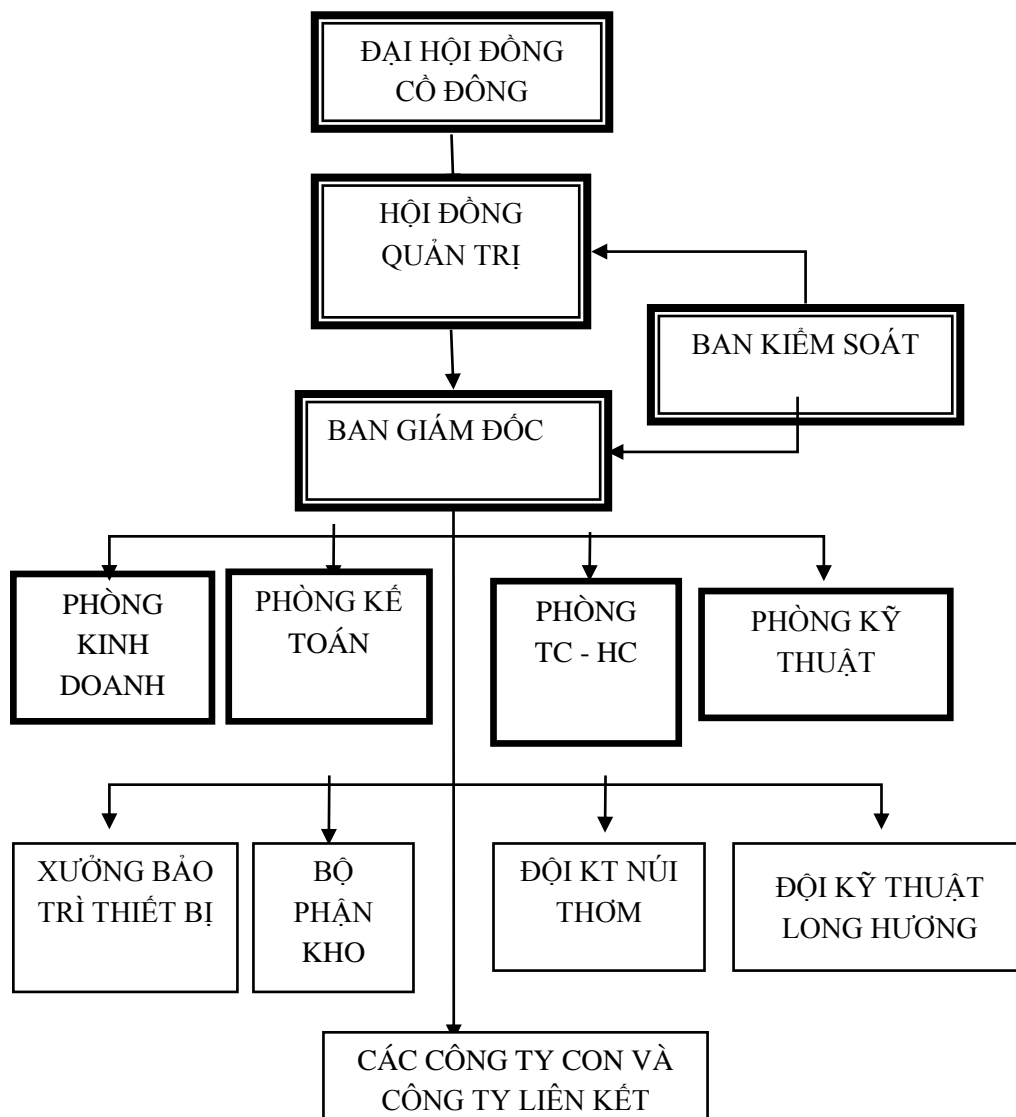
STT	Đối tượng	Số lượng cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ
1	Bán cho CBCNV	109.300	1.093.000.000	2,19%
1.1	<i>Bán ưu đãi cho CBCNV theo thời gian thực tế làm việc tại khu vực Nhà nước</i>	55.300	553.000.000	1,11%
1.2	<i>Bán cho CBCNV theo năm cam kết làm việc tại CTCP</i>	54.000	540.000.000	1,08%
2	Bán cho đối tác chiến lược	4.140.700	41.407.000.000	82,81%
3	Bán đấu giá cổ phần lần đầu (IPO)	750.000	7.500.000.000	15%
	Tổng cộng	5.000.000	50.000.000.000	100,00%

3. Ngành nghề kinh doanh công ty cổ phần

- Tìm kiếm, thăm dò, khai thác các loại khoáng sản và vật liệu xây dựng
Chi tiết: Tìm kiếm, thăm dò, khai thác các loại khoáng sản và vật liệu xây dựng (Doanh nghiệp chỉ được hoạt động ngành nghề này khi đã được Sở Tài nguyên Môi trường cấp phép hoạt động)
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
Chi tiết: Kinh doanh các loại khoáng sản và vật liệu xây dựng
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình công nghiệp, giao thông, dân dụng, thủy lợi
- Chuẩn bị mặt bằng
Chi tiết: San lấp mặt bằng, nền móng các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, cấp thoát nước
- Hoàn thiện công trình xây dựng
Chi tiết: Trang trí nội thất
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan
Chi tiết: Khảo sát địa chất; Địa chất công trình, địa chất thủy văn; Trắc địa, lập dự án thăm dò và khai thác khoáng sản; Kiểm định vật liệu xây dựng và cơ học đất; Thiết kế mố
- Vận tải hàng hoá ven biển và viễn dương
Chi tiết: Vận tải hàng hoá bằng đường ven biển
- Vận tải hàng hoá đường thủy nội địa
Chi tiết: Vận tải hàng hoá bằng đường sông
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao
Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh cấu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông đúc sẵn dự ứng lực, ép cọc và khoan cọc nhồi
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
Chi tiết: Đầu tư kinh doanh phát triển nhà và các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu dân cư, khu công nghiệp; đầu tư kinh doanh và dịch vụ cảng thủy nội địa.
- Bốc xếp hàng hoá
Chi tiết: Bốc xếp hàng hoá đường bộ, đường thủy
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ ăn uống, nhà hàng
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày
Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà nghỉ
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm
Chi tiết: Dịch vụ giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (chỉ hoạt động khi được Sở lao động Thương binh và Xã hội cấp giấy phép giới thiệu việc làm)

4. Cơ cấu tổ chức

Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần Khoáng Sản Bà Rịa – Vũng Tàu



Cương vị	Số lượng người dự kiến (người)
▪ Hội đồng quản trị	5
▪ Ban kiểm soát	3
▪ Giám đốc, Phó Giám đốc	3
▪ Phòng KTNV tổng hợp	15
▪ Bộ phận sản xuất trực tiếp	43
Tổng	69

5. Chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh khi chuyển sang công ty cổ phần

5.1 Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp trong cùng ngành của Công ty

- Vị thế trong ngành sản xuất vật liệu xây dựng

- + *Đá vật liệu xây dựng:* Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thuộc tam giác kinh tế động lực phía nam có vị trí địa lý thuận lợi tiếp giáp với trung tâm phát triển kinh tế năng động nhất cả nước, có cả đường bộ, đường thủy, đường sông thuận tiện cho vận chuyển hàng hóa nói chung và đá xây dựng nói riêng với giá cả cạnh tranh. Đây lại là một trong những trung tâm sản xuất đá vật liệu xây dựng lớn nhất của miền Đông Nam bộ và khu vực phía Nam, sắp tới đây là nguồn cung chính cho thị trường Tp. Hồ Chí Minh khi mà các mỏ đá thuộc hai tỉnh Đồng Nai và Bình Dương đã cạn kiệt và đóng cửa.
- + *Vật liệu xây dựng khác:* hơn 5 năm nay Công ty đã chủ trương đầu tư chế biến sâu, theo đó Công ty đã đầu tư 1 dây chuyền sản xuất cát nhân tạo và một dây chuyền sản xuất gạch không nung. Nguyên liệu chính là đá mi mật có giá trị thấp của quá trình sản xuất đá vật liệu xây dựng. Xu hướng sản xuất thân thiện với môi trường và tiết kiệm tài nguyên là xu hướng tất yếu đã được chính phủ và chính quyền các địa phương đặc biệt quan tâm và chỉ đạo sát sao. Công ty khoáng sản Vinaconex (hiện nay là BVMC) là một trong những doanh nghiệp đi đầu trong cả nước đón đầu xu hướng trên và hiện tại các dây chuyền này đã phát huy khá hiệu quả.

- Vị thế trong sản xuất phụ gia xi măng

Tro bay, đá phiến nung, puzolan là những sản phẩm phụ gia không thể thiếu trong ngành sản xuất xi măng. Tổng nhu cầu hàng năm cho các sản phẩm phụ gia này là hơn 10 triệu tấn. Trong các loại phụ gia có thể thay thế nhau thì puzolan là sản phẩm tự nhiên có ưu điểm vượt trội hơn nhiều so với các loại phụ gia khác, vì vậy nó có thể phối trộn cùng clinker với tỷ lệ cao hơn để sản xuất xi măng. Giá phụ gia puzolan rẻ hơn các loại phụ gia khác làm cho giá thành sản xuất xi măng giảm đi một cách đáng kể và làm tăng sức cạnh tranh của xi măng trên thị trường. Công ty đang sở hữu 2 mỏ puzolan Núi Thơm và puzolan Núi Đất với chất lượng được đánh giá là tốt và trữ lượng cao có thể khai thác ổn định lâu dài. Hiện nay, puzolan của Công ty đang là nguồn cung chủ yếu cho các thương hiệu xi măng Cẩm Phả, xi măng Thăng Long, xi măng Holcim. Đối thủ cạnh tranh chính và trực tiếp là Công ty cổ phần Khoáng sản Minh Tiến, tuy nhiên, chất lượng và trữ lượng không thể bằng đá tại các mỏ của Công ty. Hơn nữa các mỏ của đối thủ không thuận lợi về giao thông nên mức độ cạnh tranh là không cao. Điểm yếu của công ty là công nghệ và quản trị sản xuất, cần phải làm tốt hơn nữa để giảm chi phí sản xuất tăng sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường.

5.2 Triển vọng phát triển của ngành

- Tài nguyên khoáng sản nói chung và khoáng sản mà công ty đang được quyền khai thác là dạng tài nguyên không tái tạo. Xu thế chung và chính sách của Việt Nam cũng hướng tới việc tiết kiệm tài nguyên đồng thời sử dụng những tiến bộ khoa học công nghệ để tạo ra sản phẩm thay thế. Tuy nhiên việc khai thác tự nhiên vẫn có ưu thế là giá thành sản xuất thấp, chất lượng tốt, vì vậy các

sản phẩm nhân tạo có chăng chỉ có thể thay thế một phần trong khi nhu cầu sử dụng sản phẩm gia tăng một cách nhanh chóng.

5.3 Chiến lược phát triển của Công ty

Khai thác tối đa lợi thế nguồn tài nguyên bằng việc:

- Xin tăng công suất khai thác tại các mỏ có nguy cơ đóng cửa trước thời hạn để bảo đảm quyền khai thác trữ lượng đã đóng tiền cấp quyền;
- Xin hạ cos khai thác âm tăng đối với các mỏ được phép nhằm tăng tuổi thọ dự án, giảm chi phí đầu tư.
- Tăng vốn điều lệ, đầu tư thêm máy móc thiết bị cho các mỏ đang bán đá nguyên liệu để trực tiếp sản xuất ra thành phẩm nhằm tối đa hóa lợi nhuận.

6. Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư 05 năm sau cổ phần hóa

Căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh trong 03 năm 2012 - 2014 và các năm trước cũng như định hướng phát triển kinh tế - xã hội hiện nay, BVMC xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2016 - 2020 với các chỉ tiêu như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	50	80	80	80	80	80
2	Tổng số lao động	Người	54	57	72	72	72	72
3	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	4,27	4,4	8,1	9,8	11,5	11,5
4	Thu nhập bình quân/ người/tháng	Triệu đồng	3,8	6,5	9,4	11,3	13,3	13,3
5	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	38,3	45,60	83,33	100,15	117,73	117,73
6	Chi phí SXKD (83%)	Tỷ đồng	46,7	45,87	78,27	86,79	97,43	96,66
7	Thuế TNDN	Tỷ đồng	-	-	1,07	2,73	4,09	4,27
8	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	(8,4)	0,02	4,27	10,53	15,77	16,41
9	Cổ tức dự kiến	%/năm	-	-	4,3	10,5	15,8	16,4

- Định hướng sản phẩm, kế hoạch đầu tư

Kế hoạch sắp tới BVMC sẽ đẩy mạnh khai thác tối đa mỏ Long Hương do dựa vào các lợi thế như sau:

- + Vị trí địa lý thuận lợi.
- + Có dây chuyền sản xuất sẵn.
- + Sản phẩm đẹp, chất lượng tốt.

- + Giá bán sản phẩm mỏ Long Hương tốt.

Bên cạnh đó, Công ty vẫn tiến hành khai thác bốn mỏ còn lại theo công suất tối đa có thể khai thác được.

- Phân phối lợi nhuận:

Theo bảng kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2016 – 2020 thì bắt đầu năm 2016 Công ty kinh doanh có lợi nhuận. Nhưng đến năm 2017 mới bắt đầu phân phối lợi nhuận theo tỷ lệ như sau:

STT	NỘI DUNG	TỶ LỆ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN
1	Chia cổ tức	70%
2	Trích Quỹ đầu tư phát triển	10%
3	Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	10%
4	Công ty giữ lại	10%
	Tổng cộng	100%

7. Các giải pháp thực hiện

Nhằm thực hiện được phương án sản xuất kinh doanh đã đề ra, Công ty sẽ tập trung thực hiện các giải pháp chủ yếu sau đây:

- Về công tác tổ chức bộ máy

Về tổ chức bộ máy CTCP sau khi CPH, Công ty sẽ hoạt động theo quy định Luật Doanh nghiệp và các văn bản liên quan dưới sự quản lý, giám sát và điều hành của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị (HĐQT), BKS và BGĐ. Cơ sở hoạt động của CTCP là Điều lệ CTCP, trên cơ sở tôn trọng pháp luật và các quy định có liên quan.

Cơ cấu quản lý và bộ máy tổ chức Công ty cũng sẽ được sắp xếp và tinh giản ở mức hợp lý nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh đạt hiệu quả.

Việc sử dụng lao động sau khi chuyển sang Công ty cổ phần thực hiện theo các nguyên tắc sau:

- + Sử dụng tối đa số lao động hiện có tại thời điểm cổ phần hoá, trên tinh thần tinh gọn, hiệu quả nhằm đáp ứng nhu cầu và định hướng hoạt động trong tương lai của Công ty.
- + Chọn lựa cán bộ có đủ tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ chính trị, phẩm chất đạo đức để xem xét đưa vào danh sách cán bộ quy hoạch dự bị nhằm chủ động có kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo nguồn cán bộ kế thừa.
- + Quy hoạch điều động nguồn nhân lực trong nội bộ Công ty, thực hiện chính sách thu hút nguồn nhân lực.
- + Đảm bảo thực hiện đầy đủ mọi quyền lợi hợp pháp đồng thời tạo môi trường và điều kiện làm việc ngày càng tốt hơn cho người lao động; xây dựng và thực hiện văn hóa doanh nghiệp.

- + Công ty cũng sắp xếp lại, phân công kiêm nhiệm và củng cố một số phòng ban để tập trung thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.
- + Xây dựng hệ thống bảng lương chức danh đúng với năng lực trình độ của CBCNV nhằm có cơ sở phân phối thu nhập phù hợp với việc sử dụng lao động. Cơ sở này sẽ tạo nên động lực lớn để các cá nhân phấn đấu, tập trung hoàn thành nhiệm vụ được giao đồng thời cũng nâng cao thu nhập của CBCNV giúp cuộc sống được ổn định và phát triển hơn.

Song song với việc sắp xếp và củng cố lao động, công tác đào tạo và việc tuyển dụng mới cũng được Ban lãnh đạo Công ty chú trọng. Hoạt động này nhằm bố trí sắp xếp lại lao động phù hợp với chuyên môn, sở trường, tận dụng có hiệu quả một cách triệt để nguồn nhân lực phục vụ hoạt động của Công ty.

- Về công tác tài chính

- + Tích cực tháo gỡ khó khăn cho các đối tác, bạn hàng để tăng doanh thu và thu hồi công nợ tồn đọng.
- + Đề xuất các giải pháp hợp lý trình HĐQT cho phép giảm bớt các thủ tục trong việc bán, chuyển nhượng một số tài sản, Dự án phù hợp với thị trường chung hiện nay; để giải quyết nhanh chóng các nguồn nợ xấu kéo dài trong nhiều năm qua.

- Về công tác sản xuất

- + Thực hiện thuê khoán công đoạn vận chuyển, cuộc đá nguyên liệu lên máy nghiền nhằm giảm bớt chi phí quản lý và nhân công lao động trực tiếp tại các khâu này.
- + Tập trung sản xuất các loại sản phẩm đá xây dựng đạt chuẩn về quy cách, chất lượng theo yêu cầu của thị trường. Phải xác định sản phẩm sản xuất ra là hướng tới thị hiếu của khách hàng, thị trường và do thị trường quyết định.
- + Đối với việc sản xuất đá phụ gia xi măng (Puzolan) phải duy trì và thực hiện tốt các hợp đồng đã ký kết, trong quá trình sản xuất phải tuân thủ các quy định về kỹ thuật trong khai thác, chế biến và phối trộn sản phẩm như: Màu sắc, cỡ hạt, độ ẩm....

- Về công tác thị trường và bán hàng

- + Căn cứ giá thành sản phẩm tại từng thời điểm do phòng TCKT cung cấp, ngoài việc áp dụng các mức giá đã công bố, đối với một số đối tác khách hàng hoặc các đơn hàng lẻ, Phòng KHKD phải tham mưu kịp thời cho Giám đốc quyết định giá bán cho phù hợp theo từng đối tượng khách hàng, từng thời điểm cụ thể tùy thuộc vào tiềm năng của khách hàng và tùy thuộc vào khối lượng mà khách hàng tiêu thụ.
- + Đối với những khách hàng có uy tín và là bạn hàng truyền thống cần có phương thức thanh toán linh hoạt hơn.
- + Phải có chính sách chăm sóc khách hàng thường xuyên, nhằm duy trì quan hệ hợp tác tốt đẹp lâu dài và đôi bên cùng có lợi.

- Tiếp tục tạo mối quan hệ với các ngành chức năng và các địa phương

Đây là vấn đề rất quan trọng trong chiến lược kinh doanh của Công ty trong giai đoạn hiện nay cũng như lâu dài. Do đó, để tiếp cận được các chính sách về thuế, chính sách về ngành nghề kinh doanh và được tiếp cận với các công trình trên địa bàn Tỉnh...đòi hỏi Công ty phải thiết lập được các mối quan hệ với các ngành chức năng và địa phương như: Sở Xây Dựng, Sở Tài Nguyên và Môi trường, Sở Giao thông, Sở kế hoạch và Đầu Tư, các Ban quản lý dự án...vv

- Nâng cao đời sống cho CBCNV

Một trong những điều kiện để ổn định đời sống cho CBCNV và giữ chân lao động là nâng cao mức thu nhập, ổn định tiền lương hàng tháng, thực hiện đầy đủ các chế độ đối với người lao động. Để nâng cao mức lương cho CB CNV, phương án thứ nhất là phải tăng doanh thu và lợi nhuận, tuy nhiên phải cân đối nguồn nhân lực để doanh thu (hay tổng quỹ lương) tính trên đầu người lao động phải tăng lên. Phương án 2 là phải hoàn thiện bộ máy hiện nay đảm bảo thật tinh gọn và hiệu quả. Tuy nhiên, sẽ vẫn đảm bảo khối lượng công việc được hoàn thành tốt. Việc tinh giảm bộ máy nhân sự sẽ làm tăng năng suất lao động dẫn đến thu nhập của người lao động sẽ cao hơn, kèm theo các chế độ đãi ngộ khác đảm bảo cho CBCNV yên tâm công tác.

- Thực hiện các biện pháp tiết kiệm

- + Nâng cao công tác tiết kiệm, chống lãng phí, tăng cường công tác kiểm soát việc sử dụng vật tư, nguyên nhiên liệu, văn phòng phẩm, điện thoại, điện nước... để hạ giá thành sản phẩm và nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD.
- + Liên tục bám sát và đánh giá công tác tổ chức sản xuất nhằm rút ra kinh nghiệm để cải tiến và phát huy sáng kiến kỹ thuật. Trong quá trình sản xuất, nếu còn lãng phí chưa hiệu quả cần tiếp tục điều chỉnh.
- + Trong quá trình sửa chữa và thay thế thiết bị máy móc yêu cầu phòng Kỹ thuật phải thực hiện đúng các quy trình sửa chữa đã ban hành (Thực tế cho thấy chi phí cho công tác này rất lớn và rất khó kiểm soát).
- + Tổ chức sản xuất xay nghiền tại 2 mỏ đá Long Hương và Núi Thơm ngoài giờ cao điểm, kiểm tra khắc phục và sửa chữa các thiết bị bù hạ thế tại các trạm biến áp để nâng cao hệ sốcott phi trong quá trình sử dụng điện cho sản xuất nhằm giảm chi phí tổn thất điện năng.

- Về kỹ thuật công nghệ

- + Đầu tư đổi mới để đồng bộ hóa công nghệ, thiết bị sản xuất đá xây dựng và đá puzolan.
- + Đầu tư nâng cấp dây chuyền hiện có để sản xuất đá xây dựng đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

- Giải pháp về vốn

- + Lập phương án chi tiết để huy động vốn, mở rộng sản xuất kinh doanh theo ngành nghề đã đăng ký kinh doanh nhằm tối đa hoá lợi nhuận cho doanh nghiệp.

- + Đầu tư nghiên cứu, lập dự án mở rộng sản xuất, tìm đối tác mạnh về tài chính, giỏi về công nghệ để liên kết đầu tư mở ngành nghề sản xuất mới. Nhằm thực hiện đa dạng hoá loại hình sản xuất khai thác hết tiềm năng sẵn có về mặt bằng và vị trí địa lý.

- Giải pháp khác:

Hết năm 2016 toàn công ty áp dụng hệ thống quản lý chất lượng toàn diện theo tiêu chuẩn ISO 9001-2008, sau năm 2017 toàn bộ sản phẩm của công ty đều được gắn mác hợp quy theo quy chuẩn 16/QC-BXD phiên bản 2014.

PHẦN V – THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

I. PHƯƠNG THỨC CHÀO BÁN CỔ PHẦN

1. Đối tượng mua cổ phần

Đối tượng mua cổ phần bao gồm: Người lao động của BVMC, Nhà đầu tư chiến lược, các nhà đầu tư trong và ngoài nước mua thông qua đấu giá (theo Điều 6 và Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP).

2. Phương thức chào bán

- Việc bán cổ phần lần đầu của BVMC được áp dụng theo phương thức bán đấu giá công khai quy định tại điều 37 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP và Điều 6, Điều 7 Thông tư số 196/2011/TT-BTC. Giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá là cơ sở để xác định giá bán cổ phần cho người lao động được mua cổ phần với giá ưu đãi.
- Sau khi tổ chức bán đấu giá lần đầu ra bên ngoài, Ban chỉ đạo cổ phần hóa BVMC sẽ thực hiện bán tiếp số cổ phần chưa bán hết theo phương thức thỏa thuận trực tiếp, theo quy định tại Điều 39, Điều 40 của Nghị định 59/2011/NĐ-CP và Điều 6, Điều 8 Thông tư số 196/2011/TT-BTC.
- Trường hợp bán theo phương thức thỏa thuận trực tiếp mà vẫn không bán hết thì Ban chỉ đạo cổ phần hóa báo cáo SCIC thực hiện điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ. BCD CPH BVMC và người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp cổ phần hóa có trách nhiệm bổ sung vào dự thảo Điều lệ để thông qua về quyền bán tiếp phần vốn Nhà nước tại BVMC sau khi Công ty đã chính thức hoạt động theo Luật Doanh nghiệp trên cơ sở Phương án CPH được SCIC phê duyệt điều chỉnh.

2.1 Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động

2.1.1 Bán cổ phần ưu đãi cho Cán bộ công nhân viên theo thời gian thực tế làm việc trong Khu vực nhà nước

Căn cứ khoản 1 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ – CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần thì giá bán cổ phần trong trường hợp này là: “Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa được mua tối đa 100 cổ phần cho mỗi năm thực tế làm việc tại khu vực Nhà nước với giá bán bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất (trường hợp đấu giá công khai trước) hoặc bằng 60% giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược (đối với trường hợp bán cho nhà đầu tư chiến lược trước).

Tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp, tổng số lao động có tên trong danh sách thường xuyên của công ty là 61 lao động. Căn cứ hướng dẫn tại Thông tư 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20/12/2012 của Bộ Lao động thương binh và xã hội về hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định 59/2011/NĐ – CP ngày 18/07/2011 về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần và Sở Bảo hiểm lao động của người lao động, BVMC đã lập danh sách lao động công ty tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa được mua ưu đãi theo thực tế làm việc tại khu vực Nhà nước và công bố danh sách này tại Hội nghị công nhân viên chức. Danh sách lao động được mua ưu đãi theo thời gian thực tế làm việc trong khu vực Nhà nước và số cổ phần mỗi người lao động được mua đã được công bố công khai và được người lao động nhất trí thông qua tại Hội nghị công nhân viên chức Công ty cụ thể như sau:

- Tổng số cổ phần được : **55.300 cổ phần** – tương đương giá trị 553.000.000 đồng (tính theo mua ưu đãi mệnh giá), chiếm 1,11% vốn điều lệ Công ty cổ phần
- Giá bán : 60% giá đấu thành công thấp nhất
- Thời gian thực hiện : Việc triển khai bán cổ phần cho người lao động sẽ thực hiện sau khi bán đấu giá lần đầu ra bên ngoài

(Danh sách người lao động được mua ưu đãi theo thời gian thực tế làm việc trong khu vực nhà nước kèm theo phương án này)

(Biên bản Hội nghị công nhân viên chức kèm theo Phương án này)

2.1.2 Cổ phần ưu đãi bán cho người lao động thời gian cam kết làm việc tại CTCP trong thời hạn ít nhất 3 năm

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ – CP của Chính phủ ngày 18 tháng 07 năm 2011 về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần: Lao động thuộc đối tượng doanh nghiệp cần sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp trong thời hạn ít nhất là 03 năm (kể từ ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu) được mua thêm cổ phần ưu đãi theo mức 200 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 2.000 cổ phần cho một người lao động.

Công ty đã tổ chức Hội nghị công nhân viên chức để phổ biến tới người lao động chính sách ưu đãi cho người lao động trong phương án cổ phần hóa, kết quả như sau:

- Tổng số cổ phần CBCNV : **54.000 cổ phần** – tương đương giá trị 540.000.000 đồng (tính theo đăng ký mua mệnh giá), chiếm 1,08% vốn điều lệ Công ty cổ phần.
- Giá bán : 100% giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá công khai
- Thời gian thực hiện : Việc triển khai bán cổ phần cho người lao động sẽ thực hiện sau khi bán đấu giá lần đầu ra bên ngoài

(Biên bản Hội nghị công nhân viên chức kèm theo Phương án)

Tổng số cổ phần bán cho người lao động là: 109.300 cổ phần – giá trị tương ứng tính theo mệnh giá chiếm 2,19% vốn điều lệ của Công ty cổ phần.

2.1.3 Thời gian nộp tiền của người lao động

Người lao động có trách nhiệm nộp tiền thanh toán mua cổ phần trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhà đầu tư trúng đấu giá công khai hoàn tất việc nộp tiền (Ban chỉ đạo CPH sẽ có văn bản thông báo cụ thể)

2.2 Cổ phần bán cho Công đoàn

Theo quy định Điểm c Khoản 2 Điều 36 Nghị định số 59/NĐ-CP thì Công đoàn cơ sở doanh nghiệp được sử dụng nguồn quỹ công đoàn tại doanh nghiệp cổ phần hóa để mua cổ phần ưu đãi nhưng không quá 3% Vốn điều lệ. Tuy nhiên, BVMC không có Quỹ công đoàn nên Công đoàn không tham gia mua cổ phần khi cổ phần hóa.

2.3 Cổ phần bán đấu giá công khai cho các nhà đầu tư cá nhân, nhà đầu tư tổ chức trong và ngoài nước - Bán đấu giá cổ phần lần đầu (IPO)

- Tổng số cổ phần bán đấu giá : **750.000 cổ phần** (tương ứng với 7.500.000.000 đồng chiếm 15% Vốn điều lệ Công ty cổ phần)
- Giá khởi điểm : **15.900 đồng/cổ phần** (79.424.308.788 đồng/5.000.000 cổ phần = 15.885 đồng/Cổ phần, được làm tròn).
- Thời gian bán đấu giá : Tháng 5-6/2016 (*)
- Phương thức thực hiện : Đấu giá công khai thông qua Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT– Chi nhánh TP.HCM
- Tổ chức thực hiện bán đấu giá : **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT – CHI NHÁNH TP.HCM**
- Đối tượng tham gia đấu giá : Các nhà đầu tư cá nhân, nhà đầu tư tổ chức trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật (Theo quy định tại Điều 6 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ)

(*) Thời gian bán đấu giá cụ thể:

Nội dung nhóm công việc	Thời gian thực hiện	
	Bắt đầu	Kết thúc
Tổ chức cho các nhà đầu tư đăng ký tham dự đấu giá tại điểm đăng ký.	16/5/2016	16h00 01/6/2016
Tổng hợp danh sách các nhà đầu tư và phát, nhận phiếu tham dự đấu giá cho các nhà đầu tư	02/6/2016	09/6/2016
Tổ chức buổi đấu giá bán cổ phần	09/6/2016	
Gửi thông báo và thu tiền mua cổ phần của các nhà đầu tư theo kết quả đấu giá bán cổ phần.	10/6/2016	20/6/2016
Hoàn trả tiền cọc cho các nhà đầu tư tham dự đấu giá mà không được mua.	10/6/2016	14/6/2016
FPTS chuyển tiền thu được từ bán đấu giá cổ phần cho BVMC	23/6/2016-27/6/2016	

2.4 Cổ phần bán cho Nhà đầu tư chiến lược

- Căn cứ Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần
- Căn cứ Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài Chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thực hiện chuyển đổi thành Công ty cổ phần.
- Căn cứ Khoản 2 Điều 1 Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán: *“Đối với công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài mà chưa có quy định cụ thể về sở hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 49%”*. Theo phụ lục 4 Luật Đầu tư 2014, kinh doanh khoáng sản là 1 trong 267 ngành nghề kinh doanh có điều kiện nên tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 49%. Do tỷ lệ bán cả lô cho nhà đầu tư chiến lược tại Công ty là 82,81% nên nhà đầu tư nước ngoài không được tham gia là nhà đầu tư chiến lược.
- Căn cứ Quyết định số 192/QĐ-ĐTKDV Ngày 06 tháng 05 năm 2016 của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước về việc phê duyệt tiêu chí lựa chọn, hồ sơ đăng ký, phương thức bán và quy trình bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược khi thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Khoáng sản Bà Rịa – Vũng Tàu.

2.4.1 Tiêu chí cụ thể:

Đối tượng

Là doanh nghiệp trong nước được, thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, đăng ký tham gia mua cổ phần của Công ty với tư cách độc lập, không liên danh, hay liên kết với các đối tác khác;

Về năng lực tài chính

Có năng lực tài chính và năng lực kinh doanh tốt, vốn chủ sở hữu tối thiểu 80 tỷ đồng tại thời điểm 31/03/2016; kinh doanh có lãi trong 3 năm liên kế (2013-2015) theo các báo cáo tài chính đã được kiểm toán;

Cam kết đối với Công ty

Có cam kết bằng văn bản của người đại diện trước pháp luật về việc:

- Đăng ký mua toàn bộ số cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược và tham gia cuộc đấu giá công khai;
- Mua hết số lượng cổ phần bán không hết trong đợt bán đấu giá công khai và số lượng cổ phần bán không hết cho người lao động theo phương thức thỏa thuận trực tiếp với mức giá không thấp hơn giá đấu thành công thấp nhất của cuộc bán đấu giá công khai;
- Cam kết gắn bó lợi ích lâu dài, hỗ trợ doanh nghiệp sau cổ phần hóa: chuyển giao công nghệ mới, đào tạo nguồn nhân lực; nâng cao năng lực tài chính; quản trị doanh nghiệp; cung ứng nguyên vật liệu; phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm...;

- Cam kết không chuyển nhượng số cổ phần được mua trong thời hạn tối thiểu 05 (năm) năm kể từ ngày công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Trường hợp đặc biệt cần chuyển nhượng số cổ phần trước thời hạn 05 (năm) năm thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận căn cứ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần;
- Với tư cách cổ đông lớn tại công ty cổ phần, nhà đầu tư chiến lược sẽ đề nghị Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban điều hành công ty cổ phần: thanh toán ngay các khoản nợ thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác với nhà nước; kế thừa các quyền và nghĩa vụ của Công ty phát sinh trước thời điểm cổ phần hóa bao gồm cả nghĩa vụ với nhà nước, đối tác và người lao động tại Công ty;
- Tuân thủ Quy chế tổ chức bán đấu giá giữa các nhà đầu tư chiến lược (nếu tổ chức bán đấu giá) và quy định pháp luật có liên quan.

Ưu tiên các nhà đầu tư:

- Đã và đang có quan hệ hợp tác kinh doanh hoặc đầu tư với Công ty;
- Được cấp phép khai thác khoáng sản và đang hoạt động có hiệu quả trong cùng lĩnh vực kinh doanh của Công ty;
- Hiện đang cung cấp nguyên vật liệu hoặc tiêu thụ các sản phẩm của Công ty;

Lưu ý: Nhà đầu tư cần đáp ứng các điều kiện tiên quyết sau đây để hồ sơ có thể được xem xét, chấm điểm:

- + Hồ sơ đầy đủ theo quy định, hồ sơ có chứng thực hay xác nhận hợp lệ của người đại diện trước pháp luật hợp lệ;
- + Vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư tại thời điểm 31/03/2016 tối thiểu 80 tỷ đồng;
- + Tất cả các BCTC các năm 2013, 2014, 2015 của nhà đầu tư phải được kiểm toán độc lập;
- + Nhà đầu tư chỉ được đăng ký tham gia với tư cách độc lập, không liên danh, liên kết.
- + NĐTCL đã hoàn thành việc công bố thông tin trên một (01) trang báo điện tử hoặc một (01) tờ báo viết trong ba (03) số liên tiếp trước khi gửi hồ sơ đăng ký về số lượng cổ phần dự kiến chào mua công khai theo mẫu thông báo tại Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Công văn số 2660/BTC-UBCK ngày 26/02/2015 của Bộ Tài chính về việc thoái vốn thông qua đấu giá cổ phần.

Trong trường hợp, nhà đầu tư không đáp ứng được một trong các điều kiện tiên quyết nêu trên, hồ sơ sẽ bị loại và không được xem xét, hay chấm điểm.

2.4.2 Hồ sơ nhà đầu tư chiến lược

Nhà đầu tư chiến lược cần cung cấp hồ sơ bao gồm:

- Đơn đăng ký mua cổ phần của nhà đầu tư chiến lược (theo mẫu);
- Thông tin giới thiệu về năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (sao y công chứng/chứng thực theo quy định);

- Báo cáo tài chính đã kiểm toán trong các năm 2013, 2014, 2015 và Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2016 (bản chính hoặc bản photo có xác nhận của người đại diện trước pháp luật);
- Tài liệu chứng minh đã hoàn thành công bố thông tin về số lượng cổ phần dự kiến chào mua công khai theo quy định.
- Các tài liệu khác có liên quan.

2.4.3 Phương án bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược

Số cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược: 4.140.700 cổ phần (tương ứng với 41.407.000.000 đồng chiếm 82,81% Vốn điều lệ Công ty cổ phần)

Việc lựa chọn nhà đầu tư chiến lược sẽ được thực hiện theo 2 bước: (i) sơ tuyển thông qua chấm điểm hồ sơ đăng ký, và (ii) đấu giá cả lô dành cho những nhà đầu tư vượt qua vòng sơ tuyển.

- + Trường hợp, sau khi sơ tuyển, chỉ có duy nhất một (01) nhà đầu tư chiến lược đáp ứng các tiêu chí lựa chọn nêu trên và được SCIC phê duyệt: Việc bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược sẽ được Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khoáng sản Bà Rịa – Vũng Tàu thực hiện theo phương thức thỏa thuận trực tiếp, với giá bán không thấp hơn giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá công khai;
- + Trường hợp, sau khi sơ tuyển, có ít nhất hai (02) nhà đầu tư chiến lược đáp ứng các tiêu chí lựa chọn nêu trên và được SCIC phê duyệt: Việc bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược sẽ thực hiện theo Quy chế bán đấu giá cả lô do tổ chức bán đấu giá xây dựng, ban hành và được Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khoáng sản Bà Rịa – Vũng Tàu phê duyệt, với mức giá khởi điểm bằng giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá công khai. Nhà đầu tư chiến lược trúng đấu giá là nhà đầu tư trả giá cao nhất.

2.4.4 Quy trình bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược

- + Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước công bố Quyết định phê duyệt tiêu chí lựa chọn, hồ sơ đăng ký, phương thức bán và quy trình bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược làm cơ sở để lựa chọn và bán cổ phần lần đầu cho nhà đầu tư chiến lược của Công ty TNHH MTV Khoáng sản Bà Rịa – Vũng Tàu;
- + Nhà đầu tư nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Quyết định số 192/QĐ-ĐTKDV ngày 06/05/2016 tại Chi nhánh phía Nam, Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (tầng 9, Tòa nhà SCIC, 16 Trương Định, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh) trong vòng 20 ngày làm việc kể từ ngày công bố thông tin.
- + Căn cứ hồ sơ nhận được, Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khoáng sản Bà Rịa – Vũng Tàu tổ chức sơ tuyển thông qua chấm điểm để lựa chọn các nhà đầu tư chiến lược đáp ứng những điều kiện quy định nêu trên. Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ, Ban chỉ đạo cổ phần hóa báo cáo Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước ban hành quyết định phê duyệt danh sách các nhà đầu tư chiến lược đáp ứng được các tiêu chí lựa chọn và giá khởi điểm để tổ chức bán cổ phần theo một trong hai phương thức quy định nêu trên.
- + Trong thời hạn 4 ngày làm việc kể từ ngày Ban chỉ đạo cổ phần hóa ký văn bản thông báo gửi nhà đầu tư chiến lược được lựa chọn (theo quyết định phê duyệt danh sách nhà đầu tư của Tổng

Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước), nhà đầu tư chiến lược phải đặt cọc 10% giá trị cổ phần đăng ký mua theo giá khởi điểm bán cho nhà đầu tư chiến lược.

- + Sau khi hoàn thành việc bán đấu giá công khai, Ban chỉ đạo cổ phần hóa sẽ tổ chức:
 - Bán cổ phần cho người lao động; và
 - Bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược theo một trong hai phương thức quy định nêu trên; và
 - Bán thỏa thuận cho nhà đầu tư chiến lược được lựa chọn toàn bộ số cổ phần bán không hết của cuộc bán đấu giá công khai và số cổ phần bán không hết cho người lao động.
- + Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tổ chức thực hiện bán đấu giá hoặc Ban chỉ đạo cổ phần hóa (trong trường hợp bán thỏa thuận trực tiếp) thông báo kết quả bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược được mua cổ phần, nhà đầu tư chiến lược được mua cổ phần phải chuyển tiền mua cổ phần vào tài khoản của Tổ chức thực hiện bán đấu giá. Tổ chức thực hiện bán đấu giá có trách nhiệm chuyển tiền về tài khoản phong tỏa của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khoáng sản Bà Rịa – Vũng Tàu trong thời gian 5 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nộp tiền của nhà đầu tư.
- + Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khoáng sản Bà Rịa – Vũng Tàu và nhà đầu tư được mua cổ phần đàm phán, thỏa thuận, ký kết hợp đồng mua, bán cổ phần theo quy định của pháp luật.

3. Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán

- Việc bán cổ phần ưu đãi cho CBCNV được thực hiện tại doanh nghiệp theo danh sách đã được phê duyệt.
- Cổ phần chào bán cho nhà đầu tư chiến lược được thực hiện theo quy định tại khoản 2.4 điều này của bản công bố thông tin.
- Cổ phần bán cho các nhà đầu tư khác thông qua hình thức bán đấu giá dự kiến được tổ chức tại Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT – Chi nhánh TP.HCM.

II. LOẠI CỔ PHẦN

Tất cả cổ phần của Công ty tại thời điểm thành lập là cổ phần phổ thông (trừ cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược và cổ phần ưu đãi bán cho người lao động thời gian cam kết làm việc tại CTCP trong thời hạn ít nhất 3 năm cần thực hiện theo cam kết). Các hoạt động mua, bán, chuyển nhượng, thừa kế cổ phần được thực hiện theo quy định của Điều lệ công ty cổ phần và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

III. KẾ HOẠCH ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH VÀ NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Việc đăng ký giao dịch và niêm yết trên thị trường chứng khoán sau khi Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần, cụ thể như sau:

- Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Công ty sẽ xem xét tiến hành thủ tục đăng ký công ty đại chúng, đăng ký cổ phiếu để lưu

ký tập trung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

- Trường hợp Công ty đáp ứng đầy đủ các điều kiện niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội hoặc Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, trong thời hạn tối đa một (01) năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Công ty sẽ bổ sung hồ sơ để hoàn tất thủ tục niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

IV. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ CỔ PHẦN HÓA

Trên cơ sở giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, kế hoạch bán vốn Nhà nước tại CTCP, Công ty dự kiến kế hoạch hoàn vốn ngân sách Nhà nước, tạm tính theo phương án giả sử tất cả số lượng cổ phần bán ra được bán hết với giá bán là 15.900 đồng/cổ phần, chi tiết như sau:

Chỉ tiêu	Chú giải	Cổ phần	Giá bán	Giá trị (đồng)
Tiền thu được từ cổ phần hóa	(1) =(2)+(3)+ (4)	5.000.000		79.086.181.500
Tiền thu từ bán cổ phần ưu đãi cho CBCNV	(2)	109.300		1.386.162.000
<i>Từ bán cổ phần ưu đãi bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất cho CBCNV</i>		55.300	9.540	527.562.000
<i>Từ bán cổ phần bằng giá đấu thành công thấp nhất cho CBCNV cam kết làm việc lâu dài tại công ty.</i>		54.000	15.900	858.600.000
Tiền thu từ bán cho nhà đầu tư chiến lược	(3)	4.140.700	15.900	65.775.019.500
Tiền thu từ bán đấu giá cho các NĐT thông thường	(4)	750.000	15.900	11.925.000.000
Chi phí cổ phần hóa	(5)			500.000.000
Chi giải quyết chính sách lao động dôi dư	(6)			0
Số tiền nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp	(7)= (1)- 5)-(6)			78.573.623.800

V. ĐÁNH GIÁ RỦI RO DỰ KIẾN

1. Rủi ro về kinh tế

- Cũng như các doanh nghiệp khác hoạt động sản xuất trong ngành vật liệu xây dựng, sự ổn định và vững mạnh của nền kinh tế trong nước cũng như thế giới là điều kiện hết sức quan trọng và cần thiết cho việc thực hiện mục tiêu phát triển của BVMC.
- Từ năm 2008 đến thời điểm hiện tại, chứng kiến sự biến động bất thường của nền kinh tế thế giới đặc biệt là cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, nền kinh tế Việt Nam cũng ở trong vòng xoáy khủng hoảng đó và phải đối mặt với hàng loạt khó khăn như lạm phát tăng cao, tình hình thị trường tài chính và tiền tệ đều có những diễn biến không thuận lợi... thì hoạt động kinh doanh của Công ty cũng gặp không ít những khó khăn.
- Tuy nhiên, sau những nỗ lực ổn định kinh tế vĩ mô của Chính phủ, như: ưu tiên kiềm chế lạm phát, giảm lãi suất cơ bản, tại thời điểm BVMC đi vào hoạt động với mô hình Công ty cổ phần sẽ hứa hẹn nhiều cơ hội ổn định hoạt động và thích nghi với nền kinh tế nhiều cạnh tranh.

2. Rủi ro về luật pháp

- Việc ban hành hoặc thay đổi chính sách, quy định mới liên quan đến hoạt động của ngành có ảnh hưởng tới Công ty. Mặc dù trong những năm qua, Việt Nam đã cố gắng xây dựng và đã hình thành nên một môi trường pháp lý khá cởi mở, nhưng hành lang pháp lý của nước ta chưa thật sự hoàn chỉnh và ổn định, do đó ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả kinh doanh của Công ty.
- Sau khi cổ phần hóa, hoạt động của Công ty vừa chịu sự điều chỉnh của Luật doanh nghiệp và Luật Chứng khoán. Tuy nhiên, hệ thống luật pháp Việt Nam chưa đồng bộ, đang trong quá trình hoàn thiện mới, các Nghị định, Thông tư, văn bản hướng dẫn cũng chưa thật đầy đủ, thị trường chứng khoán là lĩnh vực còn rất mới mẻ mà Doanh nghiệp cũng như nhà đầu tư chưa thực sự am hiểu để thực hiện đúng. Do đó nếu có sự thay đổi thì sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình giao dịch cổ phiếu của Công ty.

3. Rủi ro của đợt chào bán

Những thực trạng đang diễn ra trên thị trường chứng khoán Việt Nam hiện nay cũng như tâm lý của các nhà đầu tư chưa thật sự ổn định. Phần đông trong số họ đang chờ đợi những động thái tích cực hơn của Chính phủ cũng như những dấu hiệu lạc quan hơn từ nền kinh tế, dẫn đến tình hình giao dịch của cổ phiếu cả trên thị trường niêm yết và thị trường OTC chưa thực sự sôi động. Hơn nữa Chính phủ đang quyết liệt chủ trương Cổ phần hoá và thoái vốn Nhà nước tại các doanh nghiệp mà Nhà nước không cần chi phối nên nhà đầu tư có nhiều sự lựa chọn hơn khi quyết định đầu tư. Mặt khác, đây là thời điểm khó khăn của ngành tài chính ngân hàng tại Việt Nam, rất nhiều cổ phiếu tại các sàn giao dịch chứng khoán đang có giá trị thấp vẫn không thu hút được nhà đầu tư, việc đấu giá cổ phiếu của doanh nghiệp cũng sẽ gặp rất nhiều khó khăn do tình hình chung này.

4. Rủi ro khác

- Vốn lưu động của Công ty bị khách hàng chiếm dụng, dẫn đến thiếu vốn hoạt động, thiếu nguồn đầu tư để triển khai các dự án mới.
- Con đường vào các mỏ bị xuống cấp đã nhiều năm, cần phải đầu tư sửa chữa.
- Các khoản nợ thuế, nợ tiền thuê đất và các khoản công nợ đối với các tổ chức, cá nhân còn rất lớn ảnh hưởng đến việc duy trì hoạt động ổn định của BVMC.
- Các vấn đề tồn tại về tài chính đã nêu trong bản công bố thông tin này, trong ý kiến ngoại trừ của kiểm toán tiếp tục được xem xét để giải quyết dứt điểm.

VI. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Ban chỉ đạo cổ phần hóa

TT	Họ và tên	Chức danh
1	Ông Lê Song Lai	Phó Tổng Giám đốc SCIC – Trưởng ban
2	Ông Lê Việt Thành	Phó Giám đốc chi nhánh phía Nam, Chủ tịch HĐQT Công ty – Phó ban
3	Bà Trần Thanh Thủy	Thành viên HĐQT Công ty, Phó Trưởng phòng QTDM Chi nhánh phía Nam – Thành viên
4	Bà Đàm Thị Hồng Huệ	Giám đốc Công ty – Thành viên
5	Bà Trương Thị Huyền Trang	Chuyên viên ban Tài chính kế toán – Thành viên
6	Ông Phạm Xuân Định	Chuyên viên Ban tổ chức cán bộ - Thành viên
7	Ông Nguyễn Minh Ngọc	Chuyên viên Ban Quản lý rủi ro – Thành viên
8	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chuyên viên Ban Pháp chế - Thành viên
9	Bà Mai Thị Thanh Thủy	Chuyên viên Chi nhánh phía Nam – Thành viên
10	Ông Đào Quý Phúc	Chuyên viên Chi nhánh phía Nam – Thành viên
11	Ông Nguyễn Trọng Hữu	Phụ trách phòng tài chính kế toán công ty – Thành viên

2. Đơn vị tư vấn (Đơn vị xác định giá trị doanh nghiệp, tư vấn lập phương án để cổ phần hóa)

Công ty Cổ phần Tư vấn Dịch vụ về Tài sản Bất động sản DATC (Tp. Hà Nội) - Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Số 35 Trần Quốc Toàn, phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 08.66791842

Fax: 08.39330586

3. Đơn vị thực hiện bán đấu giá cổ phần

Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà 136 - 138 Lê Thị Hồng Gấm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 6290 8686 Fax: (08) 6291 0560

4. Công ty TNHH MTV Khoáng sản Bà Rịa – Vũng Tàu

Địa chỉ: Tầng 1, số 102A, đường Lê Hồng Phong, phường 4, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Điện thoại: (064) 3747088 – 3747089 Fax: (064)3825814 – 3747105

Ban lãnh đạo công ty

TT	Họ và tên	Chức danh
1	Bà Đàm Hồng Huệ	Giám đốc Công ty
2	Ông Nguyễn Đình Tuấn	Phó Giám đốc Công ty

VII. LỜI KẾT

Bản Công bố thông tin này là một phần của hồ sơ bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài của Công ty TNHH MTV Khoáng sản Bà Rịa - Vũng tàu, được Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT soạn thảo một cách trung thực, khách quan và chính xác dựa trên các số liệu từ phía Công ty cung cấp.

Tất cả những thông tin trên được đưa ra theo đúng qui định của pháp luật hiện hành nhằm đảm bảo tính công khai, minh bạch và quyền lợi hợp pháp của nhà đầu tư.

Các thông tin trên cung cấp cho nhà đầu tư với mục tiêu giúp nhà đầu tư nhìn nhận doanh nghiệp dự định đầu tư một cách khách quan, sáng suốt.

Chúng tôi kính mong các nhà đầu tư nên tham khảo kỹ Bản Công bố thông tin này trước khi đưa ra quyết định đầu giá mua cổ phần phát hành lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Khoáng sản Bà Rịa - Vũng tàu.

TP.HCM, Ngày 10 tháng 05 năm 2016

CÔNG TY TNHH MTV KHOÁNG SẢN

BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA

BÀ RIJA - VŨNG TÀU

TRƯỞNG BAN

GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

(Đã ký)

LÊ SONG LAI

ĐÀM HỒNG HUỆ

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CHI NHÁNH TẠI TP. HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN –
DỊCH VỤ VỀ TÀI SẢN – BẤT ĐỘNG
SẢN DATC (TP. HÀ NỘI)

GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

TRẦN NGỌC LINH

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ
THỰC HIỆN ĐẤU GIÁ BÁN CỔ PHẦN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT
– CHI NHÁNH TP.HCM

GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

NGUYỄN VĂN TRUNG